**Đề Ôn Nguyên Lý 2**

**1. Phân tích nội dung, yêu cầu của quy luật giá trị. Vì sao những người sản xuất và lưu thông hàng hóa phải tuân theo yêu cầu của quy luật giá trị. Liên hệ thực tế Việt Nam hiện nay.**

**Trả lời:**

Nội dung yêu cầu của quy luật giá trị

-      Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và lưu thông hàng hóa, ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị.

-    Yêu cầu của quy luật giá trị:

+ Thứ nhất, theo quy luật này, sản xuất hàng hóa được thực hiện theo hao phí lao động xã hội cần thiết, nghĩa là cần tiết kiệm lao động (cả lao động quá khứ và lao động sống) nhằm: đối với một hàng hóa thì giá trị của nó phải nhỏ hơn hoặc bằng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó, tức là giá cả thị trường của hàng hóa

+ Thứ hai, trong trao đổi phải tuân theo nguyên tắc ngang giá, nghĩa là phải đảm bảo bù đắp được chi phí của người sản xuất (tất nhiên chi phí đó phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết, chứ không phải bất kỳ chi phí cá biệt nào) và đảm bảo có lãi để tái sản xuất mở rộng.

-     Sự tác động, hay biểu hiện sự hoạt động của quy luật giá trị được thể hiện thông qua sự vận động của giá cả hàng hoá. Vì giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị.

Trên thị trường, ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các nhân tố khác như: cạnh tranh, cung - cầu, sức mua của đồng tiền. Sự tác động của các nhân tố này làm cho giá cả hàng hoá trên thị trường tách rời giá trị và lên xuống xoay quanh trục giá trị của nó. Sự vận động giá cả thị trường của hàng hoá xoay quanh trục giá trị của nó hình là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị. Thông qua sự vận động của giá cả thị trường mà quy luật giá trị phát huy tác dụng.

Những người sản xuất và lưu thông hàng hóa phải tuân theo yêu cầu của quy luật giá trị vì gặp phải những tác động của quy luật giá trị:

Tác động của quy luật giá trị

-   Thứ nhất, điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá.

         Điều tiết sản xuất tức là điều hoà, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế. Tác động này của quy luật giá trị thông qua sự biến động của giá cả hàng hoá trên thị trường dưới tác động của quy luật cung – cầu

\*     Nếu cung nhỏ hơn cầu, thì giá cả lớn hơn giá trị, nghĩa là hàng hóa sản xuất ra có lãi, bán chạy. Giá cả cao hơn giá trị sẽ kích thích mở rộng và đẩy mạnh sản xuất để tăng cung; ngược lại cầu giảm vì giá tăng.

\*     Nếu cung lớn hơn cầu, sản phẩm sản xuất ra quá nhiều so với nhu cầu, giá cả thấp hơn giá trị, hàng hóa khó bán, sản xuất không có lãi. Thực tế đó, tự người sản xuất ra quyết định ngừng hoặc giảm sản xuất; ngược lại, giá giảm sẽ kích thích tăng cầu, tự nó là nhân tố làm cho cung tăng.

\*    Cung cầu tạm thời cân bằng; giá cả trùng hợp với giá trị. Bề mặt nền kinh tế người ta thường gọi là “bão hòa”.

Tuy nhiên nền kinh tế luôn luôn vận động, do đó quan hệ giá cả và cung cầu cũng thường xuyên biến động liên tục.

Như vậy, sự tác động trên của quy luật giá trị đã dẫn đến sự di chuyển sức lao động và tư liệu sản xuất giữa các ngành sản xuất khác nhau. Đây là vai trò điều tiết sản xuất của quy luật giá trị.

+ Điều tiết lưu thông của quy luật giá trị cũng thông qua diễn biến giá cả trên thị trường. Sự biến động của giá cả thị trường cũng có tác dụng thu hút luồng hàng từ nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao, do đó làm cho lưu thông hàng hoá thông suốt.

Như vậy, sự biến động của giả cả trên thị trường không những chỉ rõ sự biến động về kinh tế, mà còn có tác động điều tiết nền kinh tế hàng hoá.

-      Thứ hai, kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển.

Trong nền kinh tế hàng hoá, mỗi người sản xuất hàng hoá là một chủ thể kinh tế độc lập, tự quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nhưng do điều kiện sản xuất khác nhau nên hao phí lao động cá biệt của mỗi người khác nhau, người sản xuất nào có hao phí lao động cá biệt nhỏ hơn hao phí lao động xã hội của hàng hoá ở thế có lợi sẽ thu được lãi cao. Người sản xuất nào có hao phí lao động cá biệt lớn hơn hao phí lao động xã hội cần thiết sẽ ở thế bất lợi, lỗ vốn. Để giành lợi thế trong cạnh tranh, và tránh nguy cơ vỡ nợ, phá sản, họ phải hạ thấp hao phí lao động cá biệt của mình sao cho bằng hao phí lao động xã hội cần thiết. Muốn vậy, họ phải luôn tìm cách cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức quản lý, thực hiện tiết kiệm chặt chẽ, tăng năng suất lao động. Sự cạnh tranh quyết liệt càng thúc đẩy quá trình này diễn ra mạnh mẽ hơn, mang tính xã hội. Kết quả là lực lượng sản xuất xã hội được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ.

-    Thứ ba, thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hoá người sản xuất hàng hoá thành người giàu, người nghèo.

Quá trình cạnh tranh theo đuổi giá trị tất yếu dẫn đến kết quả là: những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang bị kỹ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết, nhờ đó phát tài, giàu lên nhanh chóng. Họ mua sắm thêm tư liệu sản xuất, mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngược lại những người không có điều kiện thuận lợi, làm ăn kém cỏi, hoặc gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn đến phá sản trở thành nghèo khó.

\*Liên hệ sự hoạt động của nó với nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa nước ta hiện nay

Mô hình kinh tế Việt Nam theo tinh thần đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 9: Đảng ta xác định đó là một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế của thị trường có sự quản lý của nhà nước và theo đúng hướng Xã hội chủ nghĩa.

Gía cả hàng hóa được hình thành trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất những hàng hóa và dịch vụ phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và nước ngoài. Thực hiện tự do hóa thương mại gia nhập WTO

Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

Thực hiện các chính sách cho vay vốn ưu đãi. Chính sách của Việt Nam: trợ cấp thất nghiệp, giải quyết công ăn việc làm, thực hiện các phúc lợi xã hội, phúc lợi tập thể để giảm đi sự giàu nghèo.

**2. Khái niệm sản xuất hàng hóa. Phân tích điều kiện ra đời tồn tại của sản xuất hàng hóa. Nêu các mặt trái của nó. Cần làm gì để khắc phục những hạn chế đó ở nước ta hiện nay.**

**Trả lời:**

* Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức sản xuất mà ở đó sản phẩm được làm ra không phải để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của chính người trực tiếp sản xuất, mà là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người khác, thông qua việc trao đổi, mua bán trên thị trường.

\*Điều kiện ra đời:

* Một là: Có sự phân công lao động xã hội: Phân công lao động xã hội là sự chuyên môn hóa sản xuất, phân chia lao động xã hội vào các ngành, lĩnh vực sản xuất khác nhau.

+ Tác dụng phân công lao động: làm cho mỗi cơ sở, mỗi người sản xuất chỉ sản xuất một hay một vài sản phẩm nhất định => Chuyên môn hóa sản phẩm trong sản xuất => năng suất lao động tăng cao => sản phẩm làm ra càng nhiều

Nhưng nhu cầu xã hội ngày càng đa dạng, phong phú => nhiều loại sảm phẩm khác nhau=> sự trao đổi hàng hóa

* Phân công lao động làm cho người sản xuất vừa độc lập, vừa phụ thuộc lẫn nhau => trao đổi sản phẩm => sản xuất hàng hóa ra đời

VD: sản xuất lúa và sản xuất may

Sản xuất lúa cần quần áo, sản xuất may cần lương thực

* Như vậy, phân công lao động xã hội là điều kiện cần cho SXHH ra đời, đây là cơ sở, là tiền đề để sản xuất hàng hóa, phân công càng phát triển thì sản xuất và trao đổi hàng hóa càng mở rộng, đa dạng hóa.
* Có sự tách biệt tương đối về mặt kỹ thuật giữa những người sản xuất. Khi đó, những người sản xuất trở thành những chủ thể sản xuất, độc lập nhất định và sản phầm làm ra thuộc quyền sở hữu hoặc do họ chi phối. Khi đó người khác muốn tiêu dùng sản xuất lao động của họ phải thông qua trao đổi mua bán hàng hóa.

🡺 Kết luận: Sản xuất hàng hóa chỉ ra đời khi có 2 điều kiện:

Nếu thiếu 1 trong 2 điều kiện trên thì sẽ không có SXHH và sản phẩm lao động không mang hình thái HH.

SXHH

Tiêu cực

Khả năng khủng hoảng phá hoại môi trường

Phân hóa giàu nghèo

\*Mặt trái:

- Khả năng khủng hoảng, phá hoại môi trường

- Phân hóa giàu nghèo

\*Khắc phục

**3. Khái niệm giá trị thặng dư. Phân tích các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. Phương pháp nào được sử dụng phổ biến nhất trong giai đoạn hiện nay? Vì sao? Liên hệ thực tế Việt Nam hiện nay.**

**Trả lời:**

* Khái niệm giá trị thặng dư: GTTD là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra bị nhà tư bản chiếm không. GTTD phản ánh bản chất của quan hệ sản xuất TBCN quan hệ bóc lột của nhà tư bản đối với lao động làm thuê.

Giá trị thặng dư được Mác xem là phần chênh lệch giữa giá trị hàng hóa và số tiền nhà tư bản bỏ ra. Trong quá trình kinh doanh, nhà tư bản bỏ ra tư bản dưới hình thức tư liệu sản xuất gọi là tư bản bất biến và bỏ ra tư bản để thuê mướn lao động gọi là tư bản khả biến. Tuy nhiên, người lao động đã đưa vào hàng hóa một lượng giá trị lớn hơn số tư bản khả biến mà nhà tư bản trả cho người lao động. Phần dư ra đó gọi là giá trị thặng dư. Tức là sản lượng của hàng hóa làm ra có giá trị cao hơn phần tiền mà nhà tư bản trả cho công nhân và mức chênh lệch đó chính là giá trị thặng dư.

Có thể lấy một ví dụ như sau để giải thích: Giả sử một người lao động có trong tay giá trị nguyên vật liệu là 1000 đồng. Trên cơ sở sức lao động đã bỏ ra, người lao động đó sẽ làm ra được sản phẩm mới có giá trị 1100 đồng. Số tiền 100 chênh lệch đó chính là giá trị thặng dư sức lao động. Tuy nhiên nhà tư bản chỉ trả lương cho anh ta 50 đồng/1 sản phẩm, có nghĩa 50 đồng còn lại là phần nhà tư bản chiếm của người lao động.

* Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư:

**\_Giá trị thặng dư tuyệt đối**  
– Khái niệm: Giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được do kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi.

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối:  
Bất cứ nhà tư bản nào cũng muốn kéo dài ngày công lao động của công nhân, nhưng việc kéo dài đó không thể vượt qua giới hạn sinh lý của công nhân. Bởi vì, người công nhân cần có thời gian ăn, ngủ, nghỉ ngơi, giải trí để phục hồi sức khỏe. Do vậy, việc kéo dài thời gian lao động gặp sự phản kháng gay gắt của giai cấp công nhân đòi giảm giờ làm.

Khi độ dài ngày lao động không thể kéo dài thêm, vì lợi nhuận của mình, nhà tư bản lại tìm cách tăng cường độ lao động của người công nhân. Vì tăng cường độ lao động có nghĩa là chi phí nhiều sức lao động hơn trong một khoảng thời gian nhất định. Nên tăng cường độ lao động về thực chất cũng tương tự như kéo dài ngày lao động.

Vì vậy, kéo dài thời gian lao động hay tăng cường độ lao động đều để sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối.  
– Phương pháp này chủ yếu áp dụng trong thời kỳ đầu nền sản xuất tư bản, với việc phổ biến sử dụng lao động thủ công và năng suất lao động thấp.

### ****\_ Giá trị thặng dư tương đối****

Khái niệm: Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động trong ngành sản xuất ra tư liệu sinh hoạt để hạ thấp giá trị sức lao động, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động, cường độ lao động vẫn như cũ.

Điểm mấu chốt của phương pháp này là phải hạ thấp giá trị sức lao động. Điều đó đồng nghĩa với giảm giá trị các tư liệu sinh hoạt và dịch vụ cần thiết cho công nhân. Muốn vậy phải tăng năng suất lao động xã hội trong các ngành sản xuất tư liệu tiêu dùng và các ngành sản xuất tư liệu sản xuất để trang bị cho ngành sản xuất ra các tư liệu tiêu dùng.

Phương pháp này được sử dụng rộng rãi trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản phát triển. nhưng lúc đầu chỉ một số nhà tư bản làm được vì điều kiện khoa học, kỹ thuật chưa cho phép. Khi đó, các nhà tư bản này tăng được năng suất lao động nên thu được giá trị thặng dư siêu ngạch. Khi các nhà tư bản đều cải tiến kỹ thuật, giá trị thặng dư siêu ngạch sẽ không còn. Tất cả sẽ thu được giá trị thặng dư tương đối.

**4. Giá trị thặng dư siêu ngạch là gì? Vì sao nói giá trị thặng dư siêu ngạch là động lực mạnh mẽ thúc đẩy các nhà tư bản ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất? Liên hệ thực tế ở Việt Nam.**

**Trả lời:**

Giá trị thặng dư siêu ngạch là phần giá thặng dư thu được do tăng năng suất lao động cá biệt, làm cho giá trị cá biệt của hàng hoá thấp hơn giá trị thị trường của nó.

Siêu lợi nhuận hay còn được gọi là lợi nhuận siêu ngạch hay là giá trị thặng dư siêu ngạch chính là phần giá trị thặng dự (lợi nhuận) thu được trong một chu trình sản xuất do áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào sản xuất làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó.

Đây cũng chính là lợi nhuận đặc biệt vượt quá lợi nhuận bình quân mà chủ xí nghiệp thu được trong một thời gian nhất định trong quá trình cạnh tranh do sử dụng những thiết bị, kĩ thuật và công nghệ tiến bộ, đầu tư vào các ngành sản xuất mới. Khi các chủ xí nghiệp khác cạnh tranh và nắm được kĩ thuật mới thì lợi nhuận đặc biệt trên không còn nữa và lúc đó sẽ hình thành tỉ suất lợi nhuận bình quân

Về chi phí

Để được gọi là siêu lợi nhuận thì yếu tố đầu tiên là chi phí bỏ ra thấp nhưng doanh thu thu được rất lớn. Các nhà đầu tư, sản xuất (nhà tư bản) chỉ phải bỏ ra chi phí ít hơn các nhà tư bản khác nhưng vẫn bán được giá như các nhà tư bản khác, từ đó sẽ thu được giá trị thặng dư (lợi nhuận) cao hơn.

Tuy vậy, lợi nhuận siêu ngạch không phải diễn ra mãi mãi, khi số đông các nhà tư bản đều đổi mới kỹ thuật và công nghệ một cách phổ biến thì giá trị thặng dư siêu ngạch hay siêu lợi nhuận sẽ không còn nữa.

Trong một xí nghiệp hay cơ sở sản xuất thì giá trị siêu ngạch là một hiện tượng mang tính tạm thời, nhưng trong phạm vi xã hội thì nó lại thường xuyên tồn tại. Nó chính là động lực mạnh mẽ nhất để thúc đẩy các nhà tư bản đổi mới công nghệ thường xuyên nhằm tăng năng suất lao động cá biệt, đánh bại đối thủ trong cạnh tranh.

Các mác gọi giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối.

### Yếu tố khoa học công nghệ

Để có lợi nhuận siêu ngạch trong [sản xuất](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%E1%BA%A3n_xu%E1%BA%A5t), một yếu tố quan trọng hàng đầu đó chính là khoa học công nghệ mà theo kinh tế học chính trị thì nó chính là máy móc. Máy móc tuy không trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư nhưng nó góp phần làm tăng giá trị lao động.

Trong học thuyết [giá trị thặng dư](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1_tr%E1%BB%8B_th%E1%BA%B7ng_d%C6%B0), Karl Mark khẳng định lao động sản xuất hàng hoá có tính chất hai mặt. Chính tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá đã tạo ra giá trị sử dụng và giá trị hàng hóa. Trong đó: Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hoá; Lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa.

Do đó, quá trình sản xuất [hàng hoá](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0ng_h%C3%B3a) cũng sẽ bao gồm hai mặt là quá trình lao động và quá trình tạo ra, làm tăng giá trị. Với tư cách là yếu tố của quá trình lao động, máy móc gia nhập toàn bộ vào quá trình sản xuất, còn với tư cách là một yếu tố hình thành giá trị thì máy móc chỉ gia nhập từng phần giá trị vào sản phẩm.

Quá trình l[ao động](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ao_%C4%91%E1%BB%99ng&action=edit&redlink=1) dù là giản đơn hay phức tạp cũng là sự kết hợp của người lao động với tư liệu sản xuất. Sử dụng máy móc càng hiện đại thì sức sản xuất ngày càng được nâng lên, càng tạo ra nhiều của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Nhưng khi nghiên cứu quá trình tạo ra và làm tăng giá trị hàng hoá thì máy móc tham gia vào đây không còn được xét là nhân tố vật thể nữa mà chỉ được coi là những lượng lao động đã vật hoá nhất định, giá trị của chúng được chuyển dần hoặc chuyển ngay vào trong một chu kỳ sản xuất sản phẩm. Dù máy móc có hiện đại đến đâu đi chăng nữa thì cũng không thể tự chuyển giá trị của mình vào sản phẩm.

Một cái máy không dùng vào quá trình sản xuất là một cái máy vô ích, ngoài ra nó còn bị hư hỏng dần bởi sức mạnh huỷ hoại của tự nhiên. Chính lao động sống, lao động của con người đã “cải tử hoàn sinh”, đã làm cho máy móc sống lại, chuyển giá trị của chúng sang sản phẩm mới.

Nhưng một tư liệu sản xuất không bao giờ chuyển vào sản phẩm mới một giá trị lớn hơn phần mà nó đã hao mòn đi trong quá trình sản xuất. Tức là, tư liệu sản xuất nói chung và máy móc nói riêng chỉ tạo điều kiện cho việc làm tăng giá trị của hàng hoá chứ bản thân không trực tiếp tham gia vào quá trình làm tăng giá trị.

Khi đi sâu vào nghiên cứu các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư thì ta thấy rằng những doanh nghiệp sử dụng máy móc thiết bị hiện đại thì sẽ thu được giá trị thặng dư siêu ngạch, từ đó sẽ có lợi nhuận siêu ngạch hay siêu lợi nhuận.

Khi sử dụng máy móc hiện đại sẽ làm tăng khả năng sản xuất của lao động. Trong một đơn vị thời gian sẽ tạo ra được nhiều hàng hoá hơn, với chất lượng tốt hơn, khi bán hàng hoá trên thị trường (có thể bán với giá thấp hơn so với giá cả thị trường) nhưng vẫn thu được lợi nhuận rất cao. Sở dĩ như vậy là do khi năng suất lao động tăng lên thì hao phí lao động để sản xuất ra một hàng hoá giảm xuống dẫn đến lượng giá trị của một đơn vị hàng hoá giảm xuống.

Chính vì thế Karl Mark cho rằng: xã hội sẽ không thể tiến bộ nếu không luôn luôn cách mạng hoá công cụ sản xuất.

### Các yếu tố khác

Bên cạnh yếu tố máy móc và lao động (là các yếu tố được xem xét trong quá trình sản xuất) thì các yếu tố khác cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra siêu lợi nhuận, đó là yếu tố liên quan đến cung, cầu, thị trường.

Nếu như trên thị trường thiếu vắng một mặt hàng nào đó nhưng nhu cầu các mặt hàng đó tăng lên (cung vượt quá cầu) thì giá cả của mặt hàng đó sẽ nhanh chóng được tăng lên so với giá trị thật sự của nó.

Hoặc cho dù không khan hiếm về hàng hóa nhưng nhu cầu tăng tiêu dùng tăng lên cũng tạo ra khả năng cho siêu lợi nhuận. Một số thuật ngữ trong dân gian diễn giải thuật ngữ này một cách dân dã là “mua may bán đắt” hay “buôn năm bán mười”...

Một số cá nhân, tổ chức nhanh chóng tận dụng tình thế này để tích trữ hàng hóa, thu gom các mặt hàng trên thị trường tạo nên tình trạng khan hiếm “ảo” sau đó tung hàng hóa có được ra thị trường với giá cả đắt đỏ tạo nên siêu lợi nhuận. Hiện tượng này được gọi là đầu cơ.

Ngoài hiện tượng đầu cơ, siêu lợi nhuận cũng được hình thành từ việc trốn thuế, tránh thuế, chuyển thuế.

Giá cả hàng hóa trên thị trường, bên cạnh các yếu tố chính chi phối như giá trị lao động, giá trị sử dụng, quy luật cung cầu thì một yếu tố khác cũng góp phần quan trọng là thuế hay chính sách thuế. Yếu tố này là công cụ của một chính phủ để quản lý ở tầm vĩ mô nền kinh tế của quốc gia.

Nếu một hàng hóa bị đánh thuế nặng thì giá cả nó trên thị trường sẽ cao hơn rất nhiều so với giá cả nguyên gốc của nó.

Ví dụ: Một chiếc xe hơi được sản xuất tại nước ngoài chỉ có giá 10.000 USD, nhưng khi nhập vào một nước khác sẽ bị đánh thuế lên đến 100% thì giá bán của nó tại thị trường đó ít nhất là 20.000 USD.

Vì vậy nếu một người kinh doanh sử dụng các biện pháp để trốn thuế mà vẫn bán với giá hiện hành trên thị trường thì họ đã đạt được siêu lợi nhuận.

Yếu tố [độc quyền](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%99c_quy%E1%BB%81n_(kinh_t%E1%BA%BF)) kinh tế cũng góp phần tạo nên lợi nhuận siêu ngạch

Ngoài ra, chính các mặt hàng với các tính chất của nó cũng đã làm nên siêu lợi nhuận. Trường hợp này điển hình là ma túy. Việc kinh doanh ma túy và các sản phẩm của nó đã tạo nên một siêu lợi nhuận cho người kinh doanh. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều nghiêm cấm việc buôn bán ma túy. Thậm chí trong lịch sử, đã từng có những cuộc chiến tranh liên quan đến ma túy như chiến tranh nha phiến.

**5. Sản xuất hàng hóa là gì? Phân tích các đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa. Cần làm gì để dễ phát huy những ưu thế đó ở nước ta hiện nay?**

**Trả lời:**

Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế mà trong đó sản phẩm được sản xuất ra không phải là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của chính người trực tiếp sản xuất ra nó mà là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người khác, thông qua việc trao đổi, mua bán.

### Đặc trưng của sản xuất hàng hóa

Sản xuất hàng hóa có những đặc trưng cơ bản sau đây:

Thứ nhất, sản xuất hàng hóa là sản xuất để trao đổi, mua bán.

Trong lịch sử loài tồn tại hai kiểu tổ chức kinh tế khác nhau là sản xuất tự cung, tự cấp và sản xuất hàng hóa. Sản xuất tự cung, tự cấp là kiểu tổ chức kinh tế trong đó sản phẩm được sản xuất ra nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của chính bản thân người sản xuất như sản xuất của người dân trong thời kỳ công xã nguyên thủy, sản xuất của những người nông dân gia trưởng dưới chế độ phong kiến... Ngược lại, sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế trong đó sản phẩm được sản xuất ra để bán chứ không phải là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của chính người trực tiếp sản xuất ra nó, tức là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người khác, thông qua việc trao đổi, mua bán.

Thứ hai, lao động của người sản xuất hàng hóa vừa mang tính tư nhân, vừa mang tính xã hội.

Lao động của người sản xuất hàng hóa mang tính chất xã hội vì sản phẩm làm ra để cho xã hội, đáp ứng nhu cầu của người khác trong xã hội. Nhưng với sự tách biệt tương đối về kinh tế, thì lao động của người sản xuất hàng hóa đồng thời lại mang tính chất tư nhân, vì việc sản xuất cái gì, như thế nào là công việc riêng, mang tính độc lập của mỗi người. Tính chất tư nhân đó có thể phù hợp hoặc không phù hợp với tính chất xã hội. Đó chính là mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa. Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội là cơ sở, mầm mống của khủng hoảng trong nền kinh tế hàng hóa.

### Ưu thế của sản xuất hàng hóa

So với sản xuất tự cung, tự cấp, sản xuất hàng hóa có những ưu thế hơn hẳn:

Thứ nhất: Sản xuất hàng hóa ra đời trên cơ sở của phân công lao động xã hội, chuyên môn hóa sản xuất. Do đó, nó khai thác được những lợi thế về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật của từng người, từng cơ sở sản xuất cũng như từng vùng, từng địa phương. Đồng thời, sự phát triển của sản xuất hàng hóa lại có tác động trở lại, thúc đẩy sự phát triển của phân công lao động xã hội, làm cho chuyên môn hóa lao động ngày càng tăng, mối liên hệ giữa các ngành, các vùng ngày càng trở nên mở rộng, sâu sắc. Từ đó, nó phá vỡ tính tự cấp tự túc, bảo thủ, trì trệ, lạc hậu của mỗi ngành, mỗi địa phương làm cho năng suất lao động xã hội tăng lên nhanh chóng, nhu cầu của xã hội được đáp ứng đầy đủ hơn. Khi sản xuất và trao đổi hàng hóa mở rộng giữa các quốc gia, thì nó còn khai thác được lợi thế của các quốc gia với nhau.

Thứ hai: Trong nền sản xuất hàng hóa, quy mô sản xuất không còn bị giới hạn bởi nhu cầu và nguồn lực mang tính hạn hẹp của mỗi cá nhân, gia đình, mỗi cơ sở, mỗi vùng, mỗi địa phương, mà nó được mở rộng, dựa trên cơ sở nhu cầu và nguồn lực của xã hội. Điều đó lại tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất... thúc đẩy sản xuất phát triển.

Thứ ba: Trong nền sản xuất hàng hóa, sự tác động của quy luật vốn có của sản xuất và trao đổi hàng hóa là quy luật giá trị, cung - cầu, cạnh tranh... buộc người sản xuất hàng hóa phải luôn luôn năng động, nhạy bén, biết tính toán, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, cải tiến hình thức, quy cách và chủng loại hàng hóa, làm cho chi phí sản xuất hạ xuống đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng ngày càng cao hơn.

Thứ tư: Trong nền sản xuất hàng hóa, sự phát triển của sản xuất, sự mở rộng và giao lưu kinh tế giữa các cá nhân, giữa các vùng, giữa các nước... không chỉ làm cho đời sống vật chất mà cả đời sống văn hóa, tinh thần cũng được nâng cao hơn, phong phú hơn, đa dạng hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, sản xuất hàng hóa cũng có những mặt trái của nó như phân hóa giàu - nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa, tiềm ẩn những khả năng khủng hoảng, phá hoại môi trường sinh thái, xã hội, v.v..

**6. Bản chất của tư bản là gì? Thế nào là tư bản bất biến và tư bản khả biến? Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này.**

**Trả lời:**

Các nhà kinh tế học tư sản thường cho rằng mọi công cụ lao động, mọi tư liệu sản xuất đều là tư bản. Thực ra, bản thân tư liệu sản xuất không phải là tư bản, nó chỉ là yếu tố cơ bản của sản xuất trong bất cứ xã hội nào. Tư liệu sản xuất chỉ trở thanh tư bản khi nó trở thành tài sản của nhà tư bản và được dùng để bóc lột lao động làm thuê. Khi chế độ tư bản bị xóa bỏ thì tư liệu sản xuất không còn là tư bản nữa. Như vậy, tư bản không phải là một vật mà là một quan hệ sản xuất xã hội nhất định giữa người và người trong quá trình sản xuất, nó có tính chất tạm thời trong lịch sử.

Qua nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, có thể định nghĩa chính xác tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động không công của công nhân làm thuê. Như vậy, bản chất của tư bản là phản ánh quan hệ sản xuất xã hội mà trong đó giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân sáng tạo ra.  
- Tư bản bất biến: là bộ phận tư bản hay vốn sản xuất được biểu thị ở giá trị của máy móc, nhà máy công xưởng… và giá trị của nguyên vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất. Không có sự thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất. Mác ký hiệu là (c)  
Nhóm các tư liệu sản xuất  
- Tư bản khả biến: bộ phận tư bản hay vốn dùng để mua sức lao động của người công nhân. Trong quá trình sản xuất thì tạo ra giá trị lớn hơn giá trị của bản thân nó.  
Mác ký hiệu là (v)  
Vai trò của 2 yếu tố trong QTSXGTTD  
Bộ phận tư bản dùng để mua TLSX.  
Vd1: 1kg than đá → đốt → GTSD và GT của than mất đi.  
VD2: Với 1kg than đó làm nguyên liệu SX phân đạm → GTSD của than mất đi. Nhưng phân tử Các bon chuyển vào phân đạm. Phân đạm có GTSD nên GT của than không mất đi mà tồn tại trong phân đạm.  
Để SX phân đạm còn có cả nhà máy, điện… cho nên khi tạo ra phân đạm thì giá trị của những TLSX này chuyển vào tồn tại trong GT của phân đạm  
→ vậy các TLSX trong QTSX không thể chuyển vào vật mới một lượng GT > lượng GT của bản thân nó. Cho nên các TLSX này không thể tăng thêm hay đẻ ra giá trị mới nào  
Bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động của người công nhân  
Sức lao động có 2 đặc điểm:   
Trong quá trình sản xuất nó tạo ra giá trị = giá trị của bản thân nó.  
Mặt khác, nó còn tạo ra giá trị > giá trị bản thân. Lượng giá trị tăng thêm này có tác dụng vô cùng lớn trong QTSX. SLĐ càng đem vào sử dụng thì càng tạo ra giá trị lớn. Và các nhà TB đã khai thác được sự đặc biệt này.  
Ý nghĩa của việc phân chia TB thành 2 yếu tố:  
Chỉ có yếu tố SLĐ mới tạo ra giá trị mới, và đó là GTTD  
Chỉ ra nguồn gốc bản chất của TB không phải do TLSX tạo ra, cũng không phải do lợi nhuận, hay sự trả công cho thuê đất tạo ra mà do sức lao động người công nhân tạo ra.  
Bản chất của TB là bóc lột người công nhân làm thuê đã được vạch trần.   
Kết luận:  
TBBB là yếu tố khách thể của quá trình sản xuất, chỉ giữ vai trò quan trọng, không làm tăng thêm giá trị trong quá trình sản xuất.  
TBKB là yếu tố chủ thể, giữ vai trò quyết định trong việc tạo ra giá trị và giá trị thặng dư.

Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này: Việc phát hiện ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa đã giúp C.Mác tìm ra chiếc chìa khóa để xác định sự khác nhau giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến. C.Mác là người đầu tiên chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến. Căn cứ cho sự phân chia đó là dựa vào vai trò khác nhau của các bộ phận của tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư, do đó nó vạch rõ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản, chỉ có lao động của công nhân làm thuê mới tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản.

**7. Phân tích đặc điểm xuất khẩu tư bản trong chủ nghĩa tư bản độc quyền. Nêu xu thế của xuất khẩu tư bản và giải thích vì sao có xu thế đó. Liên hệ thực tế Việt Nam.**

**Trả lời:**

 Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền a. Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền Tích tụ và tập trung sản xuất cao dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền là đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa đế quốc.Trong những năm 1900, ở Mỹ, Đức, Anh, Pháp đều có tình hình là các xí nghiệp lớn chỉ chiếm khoảng 1% tổng số xí nghiệp nhưng chiếm hơn 3/4 tổng số máy hơi nước và điện lực, gần một nửa tổng số công nhân và sản xuất ra gần một nửa tổng số sản phẩm. Sự tích tụ và tập trung sản xuất đến mức cao như vậy đã trực tiếp dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền. Bởi vì, một mặt, do có một số ít các xí nghiệp lớn nên có thể dễ dàng thoả thuận với nhau; mặt khác, các xí nghiệp có quy mô lớn, kỹ thuật cao nên cạnh tranh sẽ rất gay gắt, quyết liệt, khó đánh bại nhau, do đó đã dẫn đến khuynh hướng thoả hiệp với nhau để nắm độc quyền.Tổ chức độc quyền là tổ chức liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tậptrung vào trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hoá nào đó nhằm mục đích thu được lợi nhuận độc quyền cao. Khi mới bắt đầu quá trình độc quyền hoá, các liên minh độc quyền hình thành theo liên kết ngang, nghĩa là mới chỉ liên kết những doanh nghiệp trong cùng một ngành, nhưng về sau theo mối liên hệ dây chuyền, các tổ chức độc quyền đã phát triển theo liên kết dọc, mở rộng ra nhiều ngành khác nhau. Những hình thức độc quyền cơ bản là: cácten, xanhđica,tờrớt,côngxoócxiom, cônggơlômêrát. – Cácten là hình thức tổ chức độc quyền giữa các nhà tư bản ký hiệpnghị thoả thuận với nhau về giá cả, quy mô sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán... Các nhà tư bản tham gia cácten vẫn độc lập về sản xuất và thương nghiệp. Vì vậy, cácten là liên minh độc quyền không vững chắc. – Xanhđica là hình thức tổ chức độc quyền cao hơn, ổn định hơn cácten.Các xí nghiệp tham gia xanhđica vẫn giữ độc lập về sản xuất, chỉ mất độclập về lưu thông, mọi việc mua, bán do một ban quản trị chung của xanhđicađảm nhận. Mục đích của xanhđica là thống nhất đầu mối mua và bán để muanguyên liệu với giá rẻ, bán hàng hoá với giá đắt nhằm thu lợi nhuận độcquyền cao. – Tờrớt là một hình thức độc quyền cao hơn cácten và xanhđica, nhằm thống nhất cả việc sản xuất, tiêu thụ, tài vụ đều do một ban quản trị quản lý.Các nhà tư bản tham gia tờrớt trở thành những cổ đông thu lợi nhuận theo số lượng cổ phần. – Côngxoócxiom là hình thức tổ chức độc quyền có trình độ và quy mô lớn hơn các hình thức độc quyền trên. Tham gia côngxoócxiom không chỉ có các nhà tư bản lớn mà còn có cả các xanhđica, tờrớt thuộc các ngành khác nhau nhưng liên quan với nhau về kinh tế, kỹ thuật.Mục đích của xanhđica là thống nhất đầu mối mua và bán để mua nguyên liệu với giá rẻ, bán hàng hoá với giá đắt nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

**8. Phân tích thực chất và động cơ của tích lũy tư bản. Nêu ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này.**

**Trả lời:**

Tích luỹ tư bản chủ nghĩa  
Thực chất và động cơ tích luỹ tư bản:  
Thực chất tích luỹ tư bản (Tích luỹ tư bản về mặt chất)  
- Đặc trưng của tái sản xuất tư bản chủ nghĩa là tái sản xuất mở rộng tức là quá trình sản xuất năm sau được lắp lại với qui mô tư bản năm sau > năm trước, như vậy muốn tái sản xuất mở rộng thì nhà tư bản phải tích luỹ.  
Ví dụ: Qui mô tư bản năm thứ nhất là 5000 (C+V), nếu C/V = 4/1, m’ = 100% thì:  
+ Giá trị hàng hoá năm thứ nhất được sản xuất là 4000C+1000V+1000m = 6000  
Để tái sản xuất mở rộng thì nhà tư bản không tiêu dùng hết 1000m cho cá nhân mình mà dành một phần để tích luỹ mở rộng sản xuất.  
+ Giả sử tỷ lệ tích luỹ là 50% thì 1000m được phân thành 500m1 để tích luỹ, 500m2 để tiêu dùng cho cá nhân nhà tư bản.  
Giả sử C/V=4/1 thì 500m1 được phân thành 400C1 (tư bản bất biến phụ thêm) và 100V1 (tư bản khả biến phụ thêm)  
Như vậy sang năm thứ hai qui mô tư bản là 4400C + 1100V = 5500  
Vậy: Thực chất của tích lũy tư bản là biến một phần m thành tư bản hay tư bản hoá giá trị thặng dư.  
- Phân biệt tích luỹ tư bản chủ nghĩa và tích luỹ nguyên thủy tư bản chủ nghĩa:  
+ Tích luỹ nguyên thủy tư bản chủ nghĩa thực chất là dùng bạo lực để tước đoạt, tách người lao động ra khỏi tư liệu sản xuất, là tích luỹ phi kinh tế.  
+ Tích luỹ tư bản chủ nghĩa là tư bản hoá giá trị thặng dư, là tích luỹ kinh tế  
- Qua nghiên cứu thực chất của tích lũy tư bản rút ra nhận xét sau đây:  
+ Vạch rõ nguồn gốc tư bản tích là m do lao động công nhân tạo ra  
+ Tích luỹ trong quá trình tái sản xuất mở rộng không ngừng thì tư bản được tích luỹ lại chiếm một tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng tư bản – Tư bản ứng trước chỉ là “một giọt nước trong dòng sông tích luỹ”  
+ Quy luật quyền sở hữu của người sản xuất hàng hoá biến thành quyền chiếm đoạt tư bản tư nhân.  
Các nhân tố ảnh hưởng đến qui mô tích luỹ (tích luỹ xét về mặt lượng)  
Nếu tỷ lệ tích luỹ không đổi thì qui mô tích luỹ phụ thuộc và khối lượng m, do đó những nhân tố sau ảnh hưởng đến qui mô tích luỹ:  
- Tăng cường bóc lột công nhân bằng cách kéo dài thời gian lao động, tăng cường độ lao động, bớt xén tiền công công nhân để làm tăng khối lượng m  
- Tăng năng suất lao động xã hội là tăng những điều kiện vật chất để tích luỹ tư bản  
- Mức độ chênh lệch ngày càng lớn giữa tư bản sử dụng (cả hệ thống máy móc thiết bị) với tư bản tiêu dùng (Thực tế khấu hao đi vào sản phẩm) tạo ra một sự phục vụ không công của máy móc thiết bị.  
- Khối lượng tư bản ứng trước trong đó trước hết là tư bản khả biến.  
a3) Động cơ tích luỹ tư bản chủ nghĩa: Động cơ thúc đẩy tích luỹ tư bản chủ nghĩa là do tác động của các qui luật kinh tế khách quan của chủ nghĩa tư bản.  
- Quy luật sản xuất m: Để đạt được mục đích sản xuất ngày càng nhiều m thì từng nhà tư bản không ngừng tích luỹ, nâng cao năng suất lao động, nâng cao m’  
- Quy luật cạnh tranh: Để dành lợi thế trong cạnh tranh thì không ngừng phải tích luỹ, mở rộng sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.  
\* Lưu ý: ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề trên:  
- Lý luận: Vạch rõ thực chất của tích luỹ và nguyên nhân của sự giàu có của tư bản  
- Thực tiễn: Trong điều kiện nước ta tích luỹ vốn cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần khai thác sử dụng các nhân tố trên.  
Quy luật chung của tích luỹ tư bản:  
Tích luỹ tư bản gắn liền với các quá trình tích tụ, tập trung tư bản và nâng cao cấu tạo hữu cơ.  
Tích tụ và tập trung tư bản:  
- Tích tụ tư bản là sự phát triển thêm qui mô tư bản cá biệt bằng cách biến một phần m thành tư bản.  
- Tập trung tư bản là sự phát triển thêm qui mô tư bản cá biệt bằng cách sát nhập các tư bản sẵn có trong x• hội.  
\* Phân biệt giữa tích tụ và tập trung tư bản:  
- Giống nhau: Đều tăng qui mô tư bản cá biệt  
- Khác nhau:  
+ Tích tụ tư bản thì qui mô tư bản cá biệt tăng, tư bản x• hội tăng, tích tụ bản phản ánh mối quan hệ giữa công nhân và nhà tư bản trong xí nghiệp.  
+ Tập trung tư bản thì qui mô tư bản cá biệt tăng, tư bản x• hội không đổi, tích tụ bản phản ánh mối quan hệ giữa các nhà tư bản với nhau.  
\* Mối quan hệ giữa tích tụ và tập trung tư bản:  
Đó là mối quan hệ tạo điều kiện thúc đẩy lẫn nhau, Tích tụ tư bản làm tăng khả năng cạnh tranh dẫn đến thúc đẩy Tập trung tư bản, tạo điều kiện để ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, nâng cao m’ , tạo điều kiện để Tích tụ tư bản  
Tích tụ và tập trung tư bản dẫn đến tích tụ tập trung sản xuất, sản xuất qui mô lớn ra đời, quá trình này diễn ra thông qua cạnh tranh, trong đó tín dụng giữ vai trò đòn bẩy để thúc đẩy tập trung sản xuất.  
Cấu tạo hữu cơ:  
Tích luỹ tư bản không những làm tăng qui mô tư bản mà còn làm thay đổi cấu tạo tư bản. Cấu tạo tư bản được xem xét trên hai mặt:  
- Cấu tạo kỹ thuật  
- Cấu tạo giá trị  
Cấu tạo kỹ thuật là quan hệ tỷ lệ giữa khối lượng tư liệu sản xuất và số lượng công nhân vận dụng tư liệu sản xuất đó (Chỉ tiêu xác định là kw/công nhân)  
Cấu tạo giá trị là quan hệ tỷ lệ giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến.  
Giữa cấu tạo kỹ thuật và cấu tạo giá trị có mối quan hệ với nhau, phản ánh quan hệ này bằng cấu tạo hữu cơ.  
Cấu tạo hữu cơ là cấu tạo giá trị phản ánh tình trạng cấu tạo kỹ thuật, do cấu tạo kỹ thuật quyết định (ký hiệu C/V):  
- C/V tăng thì về lượng tuyệt đối C tăng nhanh hơn V, về lượng tương đối (tỷ trọng) C/(C+V) tăng còn V/(C+V) giảm  
- V/(C+V) giảm tức là tư bản khả biến thừa ra một cách tương đối so với tổng tư bản tăng lên. Đây là nguyên nhân dẫn đến nạn nhân khẩu thừa (thất nghiệp), tư bản khả biến thừa ra so với nhu cầu của tư bản chứ không phải so với nhu cầu của xã hội.  
Quy luật của tích luỹ tư bản và xu hướng lịch sử của chủ nghĩa tư bản:  
Quá trình tích luỹ tư bản ngày càng làm tăng thêm tính gay gắt của mẫu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hoá với chế độ chiếm hữu tư bản tư nhân tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn trên biểu hiện về mặt giai cấp là mẫu thuẫn giữa giai cấp vô sản đại biểu cho lực lượng sản xuất và giai cấp tư sản đại biểu cho quan hệ sản xuất thống trị.   
Mâu thuẫn giai cấp tất yếu dẫn đến đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội nỗ ra, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phải được thay thế bằng một quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với lực lượng sản xuất xã hội hoá đó là quan hệ sản xuất cộng sản chủ nghĩa.  
Nó khẳng định địa vị lịch sử của chủ nghĩa tư bản. CƠ SỞ LÝ LUẬN I. Tích lỹ tư bản – Tích lũy tư bản là sự chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản, hay là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư. 1. Bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất TBCN  
Nghiên cứu tích lũy và tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa cho phép rút ra những kết  
luận vạch rõ hơn bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất TBCN:  
– Nguồn gốc duy nhất của tư bản tích lũy là giá trị thặng dư và tư bản tích lũy chiếm tỉ trọng ngày càng lớn trong toàn bộ tư bản. Trong quá trình tái sản xuất, lãi cứ đập vào  
vốn, vốn càng lớn thì lãi càng lớn, do đó lao động của công nhân trong quá khứ lại  
trở thành phương tiện để bóc lột chính người công nhân. – Quá trình tích lũy đã làm cho quyền sở hữu trong nền kinh tế hàng hóa biến thành  
quyền chiếm đoạt Tư bản chủ nghĩa. Trong sản xuất hoàng hóa đơn giản, sự trao đổi  
giữa những người sản xuất hàng hóa theo nguyên tắc ngang giá về cơ bản không dẫn  
tới người này chiếm đoạt lao động không công của người kia. Tuy nhiên, nền sản  
xuất TBCN dẫn đến kết quả là nhà tư bản chẳng những chiếm được một phần lao  
động của công nhân, mà còn là người sở hữu hợp pháp lao động không công đó.  
Nhưng điều đó không vi phạm quy luật giá trị.

**9. Phân tích bản chất và các hình thức của địa tô tư bản chủ nghĩa. Liên hệ thực tế Việt Nam hiện nay.**

**Trả lời:**

**\* Bản chất của địa tô tư bản chủ nghĩa:**

Cũng giống như các nhà tư bản kinh doanh trong công nghiệp, các nhà tư bản kinh doanh trong nông nghiệp cũng phải thu được lợi nhuận bình quân. Nhưng vì phải thuê ruộng đất của địa chủ nên ngoài lợi nhuận bình quân, nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp còn phải thu thêm được một phần gía trị thặng dư dôi ra nữa, tức là lợi nhuận siêu ngạch. Lợi nhuận siêu ngạch này tương đối ổn định và lâu dài, do tính độc quyền trong sản xuất nông nghiệp, phần lợi nhuận siêu ngạch này được nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp trả cho chủ đất dưới hình thái địa tô.

Trog nền nn TBCN hình thành mối quan hệ 3 giai cấp:

– Địa chủ độc quyền chiếm hữu ruộng đất;

– TB kinh doanh ruộng đất để hưởng P (lợi nhuận);

– Giai cấp công nhân nông nghiệp.

Như vậy, địa tô tư bản chủ nghĩa (R) là phần lợi nhuận siêu ngạch do công nhân làm thuê trong nông nghiệp tạo ra và nhà tư bản thuê đất phải nộp cho chủ sở hữu ruộng đất.  
Địa tô chính là một bộ phận gía trị thặng dư ngoài lợi nhuận bình quân của tư bản đầu tư vào nông nghiệp (lợi nhuận siêu ngạch trong nông nghiệp).

**\* Các hình thức địa tô tư bản chủ nghĩa:**

Địa tô chênh lệch:

Trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp, lợi nhuận siêu ngạch được xác định bằng chênh lệch giữa gía cả sản xuất chung của thị trường với gía cả sản xuất cá biệt của một số doanh nghiệp.

Nhưng khác với công nghiệp, lợi nhuận siêu ngạch trong nông nghiệp ổn định ở những doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi, do ruộng đất là tư liệu sản xuất cơ bản, ruộng đất tốt xấu khác nhau, điều kiện thuận lợi khác nhau dẫn đến gía cả sản xuất cá biệt của từng đơn vị sản phẩm trên từng loại đất có sự khác nhau, mà gía cả của sản phẩm nông nghiệp được xác định bởi điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất, để đảm bảo cho nhà đầu tư vào nông nghiệp trên ruộng đất xấu vẫn thu được lợi nhuận bình quân. Khoảng chênh lệch về gía trị thặng dư thu được ở điều kiện sản xuất thuận lợi so với điều kiện sản xuất xấu nhất là lợi nhuận siêu ngạch. Lợi nhuận siêu ngạch này sẽ được chuyển hóa thành địa tô chênh lệch.

Như vậy, địa tô chênh lệch là lợi nhuận siêu ngạch, thu được trên những ruộng đất có điều kiện sản xuất thuận lợi hơn, nó là chênh lệch giữa gía cả sản xuất chung được quyết định bởi điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất và gía cả sản xuất cá biệt trên ruộng đất tốt, trung bình, hoặc có vị trí thuận lợi.

Thực chất của địa tô chênh lệch là lợi nhuận siêu ngạch, nguồn gốc của nó là phần gía trị thặng dư do công nhân nông nghiệp tạo ra. Địa tô chênh lệch gắn liền với độc quyền kinh doanh nông nghiệp theo lối tư bản chủ nghĩa.

Có hai loại địa tô chênh lệch: địa tô chênh lệch I và địa tô chênh lệch\_II.

Địa tô chênh lệch I : là địa tô chênh lệch thu được trên ruộng đất có độ màu mỡ tự nhiên thuận lợi (trung bình và tốt), có vị trí thuận lợi (gần nơi tiêu thụ, gần đường giao thông).

Địa tô chênh lệch II : là địa tô thu được do thâm canh.

Thâm canh là tăng vụ, hoặc đưa tiến bộ kỹ thuật mới làm tăng độ màu mỡ trên mảnh ruộng đó, từ đó nâng cao sản lượng trên một đơn vị diện tích canh tác.

Địa tô tuyệt đối: Địa tô tuyệt đối là địa tô mà tất cả các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp đều phải nộp cho chủ đất dù thuê ruộng đất tốt hay xấu.

Địa tô độc quyền: Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, do có sự độc quyền tư hữu ruộng đất, nên đã cản trở sự phát triển của sản xuất trong nông nghiệp, nên nông nghiệp thường lạc hậu hơn so với công nghiệp, vì thế cấu tạo hữu cơ của tư bản trong nông nghiệp thường thấp hơn trong công nghiệp. Vì vậy, nếu tỷ suất giá trị thặng dư ngang nhau, và với một lượng tư bản ứng ra bằng nhau, thì lượng gía trị thặng dư thu được trong nông nghiệp bao giờ cũng cao hơn lượng gía trị thặng dư thu được trong công nghiệp.

Ví dụ: có hai nhà tư bản đầu tư vào nông nghiệp và công nghiệp đều có số tư bản 100, cấu tạo hữu cơ (c/v) của tư bản trong công nghiệp là 4/1, cấu tạo hữu cơ của tư bản trong nông nghiệp là 7/3, vì nông nghiệp thường sử dụng nhiều lao động hơn. Giả sử m’ = 100% (cả nông nghiệp và công nghiệp), thì tổng giá trị sản phẩm và gía trị thặng dư sản xuất ra trong từng lĩnh vực sẽ là :

CN: 80C + 20v + 20m = 120

NN: 70C + 30v + 30m = 130

Chênh lệch giữa tổng gía trị sản phẩm nông nghiệp với tổng giá trị sản phẩm công nghiệp là: 130 – 120 = 10 đây chính là địa tô tuyệt đối, phần chênh lệch này nhà tư bản đi thuê đất phải trả cho địa chủ. Sự độc quyền tư hữu ruộng đất đã ngăn cản quá trình tự do di chuyển tư bản từ các ngành khác vào nông nghiệp và do đó đã ngăn cản quá trình bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận giữa nông nghiệp với công nghiệp và các ngành khác.

Vậy địa tô tuyệt đối là lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân, được hình thành do cấu tạo hữu cơ của tư bản trong nông nghiệp thấp hơn cấu tạo hữu cơ của tư bản trong công nghiệp, nó là chênh lệch giữa gía trị nông sản phẩm và gía cả sản xuất chung của các ngành khác trong xã hội.

**10. Vì sao sản xuất giá trị thặng dư là quy luật kinh tế cơ bản của Chủ nghĩa tư bản. Ý nghĩa thực tế của vấn đề này.**

**Trả lời:**

Mỗi phương thức sản xuất có một quy luật kinh tế tuyệt đối, quy luật phản ánh mối quan hệ kinh tế bản chất nhất của phương thức sản xuất đó. Theo C.Mác, tạo ra giá trị thặng dư, đó là quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Thật vậy, giá trị thặng dư – phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không, phản ánh mối quan hệ kinh tế bản chất nhất của chủ nghĩa tư bản – quan hệ tư bản bóc lột lao động làm thuê. Giá trị thặng dư do lao động không công của công nhân tạo ra là nguồn gốc làm giàu của các nhà tư bản.

Mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải lá giá trị sử dụng mà là sản xuất ra giá trị thặng dư, là nhân giá trị lên. Theo đuổi giá trị thặng dư tối đa là mục đích và động cơ thúc đẩy sự hoạt động của mỗi nhà tư bản cũng như của toàn bộ xã hội tư bản. Nhà tư bản cố gắng sản xuất ra hàng hóa với chất lượng tốt cũng chỉ vì họ muốn thu được nhiều giá trị thặng dư.

Sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa không chỉ phản ánh mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà còn vạch rõ phương tiện, thủ đoạn mà các nhà tư bản sử dụng để đạt được mục đích như tăng cường bóc lột công nhân làm thuê bằng cách tăng cường độ lao động và kéo dài ngày lao động tăng năng suất lao động và mở rộng sản xuất.

Như vậy, sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản, là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nội dung của nó là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa bằng cách tăng cường bóc lột công nhân làm thuê. Quy luật giá trị thặng dư ra đời và tồn tại cùng với sự ra đời và tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Nó quyết định các mặt chủ yếu, các quá trình kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa tư bản. Nó là động lực vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản, đồng thời nó cũng làm cho mọi mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản ngày càng sâu sắc, đưa đến sự thay thế tất yếu chủ nghĩa tư bản bằng một xã hội cao hơn.

Chủ nghĩa tư bản ngày nay tuy có những điều chỉnh nhất định về hình thức sở hữu, quản lý và phân phối để thích nghi ở mức độ nào đó với điều kiện mới, nhưng sự thống trị của chủ nghĩa tư bản tư nhân vẫn tồn tại nguyên vẹn, bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi. Nhà nước tư sản hiện nay tuy có tăng cường can thiệp vào đời sống kinh tế và xã hội, nhưng về cơ bản nó vẫn là bộ máy thống trị của giai cấp tư sản.

Tuy nhiên, do trình độ đã đạt được của văn minh nhân loại và do cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân mà một bộ phận không nhỏ công nhân ở các nước tư bản phát triển có mức sống tương đối sung túc, nhưng về cơ bản, họ vẫn phải bán sức lao động và vẫn bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Nhưng trong điều kiện hiện nay, sản xuất giá trị thặng dư có những đặc điểm mới sau đây:

Một là, do kỹ thuật và công nghệ hiện đại được áp dụng rộng rãi nên khối lượng giá trị thặng dư được tạo ra chủ yếu nhờ tăng năng suất lao động. Việc tăng năng suất lao động do áp dụng kỹ thuật và công nghệ hiện đại có đặc điểm là chi phí lao động sống trong một đơn vị sản phẩm giảm nhanh, vì máy móc hiện đại thay thế được nhiều lao động sống hơn.

Hai là, cơ cấu lao động xã hội ở các nước tư bản phát triển hiện nay có sự biến đổi lớn. Do áp dụng rộng rãi kỹ thuật và công nghệ hiện đại nên lao động phức tạp, lao động trí tuệ tăng lên và thay thế lao động giản đơn, lao động cơ bắp. Do đó, lao động trí tuệ, lao động có trình độ kỹ thuật cao ngày càng; có vai trò quyết định trong việc sản xuất ra giá trị thặng dư. Chính nhờ sử dụng lực lượng lao động ngày nay mà tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư đã tăng lên rất nhiều.

Ba là, sự bóc lột của các nước tư bản phát triển trên phạm vi quốc tế ngày càng được mở rộng dưới nhiều hình thức: xuất khẩu tư bản và hàng hóa, trao đổi không ngang giá... lợi nhuận siêu ngạch mà các nước tư bản phát triển bòn rút từ các nước kém phát triển trong mấy chục năm qua đã tăng lên gấp nhiều lần. Sự cách biệt giữa những nước giàu và những nước nghèo ngày càng tăng và đang trở thành mâu thuẫn nổi bật trong thời đại ngày nay. Các nước tư bản phát triển đã bòn rút chất xám, hủy hoại môi sinh cũng như cội rễ đời sống văn hóa của các nước lạc hậu, chậm phát triển.

**11. Hàng hóa là gì? Vì sao hàng hóa có hai thuộc tính giá trị sử dụng và giá trị?**

**Trả lời:**

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, nó có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán.

* GTSDHH

– Khái niệm: Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn một hay một số nhu cầu nào đó của con người.  
– Bất cứ một hàng hóa nào cũng có một hay một số công dụng nhất định có thể thỏa mãn một hay một số nhu cầu nào đó của con người. Những công dụng đó được gọi là tính có ích của hàng hóa.  
– Giá trị sử dụng của hàng hóa là nội dung vật chất của của cải vì nó do thuộc tính tự nhiên (lý, hóa học) của thực thể hàng hoá đó quyết định.  
– Giá trị sử dụng của hàng hóa là một phạm trù vĩnh viễn vì không phụ thuộc vào sự sự thay đổi của phương thức sản xuất.  
– Theo đà phát triển của khoa học kỹ thuật, con người ngày càng phát hiện thêm những thuộc tính mới của sản phẩm và phương pháp để lợi dụng chúng đó đó số lượng giá trị sử dụng ngày càng nhiều, chất lượng ngày càng tốt.  
– Giá trị sử dụng chỉ được thực hiện khi nó được tiêu dùng hay sử dụng. Nếu hàng hóa chưa được tiêu dùng thì giá trị sử dụng của nó chỉ ở dạng tiềm năng. Để giá trị sử dụng ở dạng tiềm năng trở thành giá trị sử dụng hiện thực thì hàng hóa đó cần được tiêu dùng.

* GTHH

– Muốn hiểu giá trị hàng hóa phải xuất phát từ giá trị trao đổi.  
– Trong kinh tế hàng hóa, giá trị sử dụng là vật mang giá trị trao đổi.  
– Khái niệm: Giá trị trao đổi trước hết là tỷ lệ về lượng mà giá trị sử dụng này trao đổi với giá trị sử dụng khác.

Ví dụ: 1m vải trao đổi lấy 5 kg thóc. (Điều này có nghĩa là 1m vải có giá trị trao đổi bằng 5kg thóc)  
– Vấn đề đặt ra là: tại sao hai hàng hoá, hai giá trị sử dụng lại trao đổi được cho nhau, hơn nữa chúng lại trao đổi với nhau theo một tỷ lệ nhất định?  
+ Cái chung đó không thể là giá trị sử dụng vì hai loại hàng hóa này có công dụng hoàn toàn khác nhau (vải để mặc, thóc để ăn). Và sự khác nhau đó chỉ là điều kiện cần thiết để sự trao đổi xảy ra vì không ai đem trao đổi những vật phẩm giống hệt nhau về giá trị sử dụng.  
+ Cái chung đó là: cả vải và thóc đều là sản phẩm của lao động, đều có lao động kết tinh trong đó. Nhờ có cơ sở chung đó mà các hàng hóa có thể trao đổi được với nhau. Vậy, thực chất người ta trao đổi hàng hóa với nhau chẳng qua là trao đổi lao động của mình ẩn dấu trong trong những hàng hóa đó.

**Bạn đã biết:**[Nội dung và tác dụng của quy luật giá trị](http://thichhohap.com/de-thi-chu-nghia-mac-lenin/van-de-2-noi-dung-va-tac-dung-cua-quy-luat-gia-tri.html)

► Chính hao phí lao động để tạo ra hàng hóa kết tinh trong hàng hóa ấy là cơ sở chung cho mọi việc trao đổi và nó tạo thành giá trị hàng hóa.  
– Khái niệm: Giá trị hàng hóa là lao động của người sản xuất hàng hóa tạo ra, kết tinh trong hàng hóa  
Giá trị hàng hóa biểu hiện thông qua giá trị trao đổi. Tức là, giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi.  
– Giá trị biểu hiện mối quan hệ xã hội giữa những người sản xuất hàng hóa vì trao đổi hàng hóa là so sánh lượng hao phí lao động giữa những người sản xuất hàng hóa. Quan hệ giữa người với người được thay thế bằng quan hệ giữa vật với vật (hàng – hàng).  
– Giá trị hàng hóa là một phạm trù lịch sử, chỉ tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa, có sản xuất hàng hóa thì mới có giá trị hàng hóa.

– Kết luận:  
+ Giá trị của hàng hóa là do lao động xã hội (lao động trừu tượng) của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.  
+ Giá trị là cơ sở là nội dung của giá trị trao đổi. Chất của giá trị là lao động, nên sản phẩm không chứa đựng lao động thì không có giá trị. Sản phẩm chứa đựng nhiều lao động để tạo ra thì có giá trị cao. Lượng giá trị là biểu hiện lượng lao động kết tinh trong hàng hóa. Lượng lao động kết tinh thay đổi dẫn đến giá trị trao đổi thay đổi. Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện của giá trị.  
+ Giá trị là một phạm trù lịch sử.

Hàng hoá có hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị, hai thuộc tính đó không phải do có hai loại lao động khác nhau kết tinh trong nó, mà do lao động của người sản xuất hàng hoá có tính hai mặt: lao động cụ thể và lao động trừu tượng.  
C.Mác là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt đó.

Giá trị sử dụng và giá trị là hai thuộc tính vùa thống nhất, vùa mâu thuần với nhau trong một hàng hoá.

**– Mặt thống nhất:**  
Hai thuộc tính này cùng tồn tại trong một hàng hóa. Một vật muốn trở thành hàng hóa thì không thể thiếu bất kỳ một thuộc tính nào trong hai thuộc tính trên. Ta có thể thấy một vật có ích tức là có giá trị sử dụng nhưng không do lao động tạo ra tức là không có lao động xã hội kết tinh trong đó thì không phải là hàng hóa, ví dụ như: không khí, ánh nắng mặt trời…

**– Mặt mâu thuẫn:**  
+ Thứ nhất, với tư cáchlà một giá trị sử dụng thì các hàng hoá không đồng nhất về chất vì mỗi hàng hóa có một công dụng khác nhau. Ngược lại, với tư cách là giá trị thì các hàng hoá đồng nhất về chất, chúng đều là kết tinh của lao động, đều là lao động được vật hoá.  
+ Thứ hai, tuy giá trị và giá trị sử dụng cùng tồn tại trong một hàng hóa nhưng quá trình thực hiện giá trị sử dụng và giá trị khác nhau về thời gian và không gian. Cụ thể là giá trị được thực hiện trước trong lĩnh vực lưu thông, còn giá trị được thực hiện sau, trong lĩnh vực tiêu dùng. Nếu không thực hiện được giá trị hàng hoá (hàng hóa không bán được) thì không thực hiện được giá trị sử dụng có thể dẫn đến khủng hoảng sản xuất “thừa”.

**12. Phân biệt giá trị thặng dư và lợi nhuận trong chủ nghĩa tư bản. Nêu ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này?**

**Trả lời:**

\_Giá trị thặng dư là phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do CN tạo ra bị nhà TB chiếm không (ký hiệu là m)

\_ Lợi nhuận là số tiền lời mà nhà tư bản thu được do có sự chênh lệch giữa giá trị hàng hoá và chi phí tư bản. (ký hiệu là p)

* + *Về mặt lượng:* lợi nhuận và giá trị thặng dư thường không bằng nhau,lợi nhuận có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thặng dư tuỳ thuộc vào giá cả hàng hoá do quan hệ cung - cầu quy định. Nhưng xét trên phạm vi toàn xã hội, tổng số lợi nhuận luôn ngang bằng tổng số giá trị thặng dư  
    
  *+ Về mặt chất:* Thực chất lợi nhuận và giá trị thặng dư đều là một, lợi nhuận chẳng qua chỉ là một hình thái thần bí hoá của giá trị thặng dư. Phạm trù lợi nhuận phản ánh sai lệch bản chất quan hệ sản xuất giữa nhà tư bản và lao động làm thuê, vì nó làm cho người ta tưởng rằng giá trị thặng dư không phải chỉ do lao động làm thuê tạo ra mà là do toàn bộ Tb ứng trước sinh ra.

**13. Quá trình hình thành và vai trò của Đảng cộng sản đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.**

**Trả lời:**

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân do địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp này quy định, nhưng để biến khả năng khách quan đó thành hiện thực thì phải thông qua nhân tố chủ qua của giai cấp công nhân. Trong những nhân tố chủ quan đó thì việc thành lập đảng cộng sản, một đảng trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhân tố giữ vai trò quyết định nhất bảo đảm cho giai cấp công nhân hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình.

* Tính tất yếu của sự hình thành, phát triển chính đảng của giai cấp công nhân:

Trong giai đoạn đầu đấu tranh với giai cấp tư sản, do bị các chủ tư bản áp bức, bóc lột nên giai cấp công nhân đã vùng lên, tự đấu tranh đòi hỏi đáp ứng những lợi ích kinh tế của giai cấp mình; hầu hết các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân giai đoạn này đều là tự phát, xuất phát từ các cuộc đình công đòi tăng lương, giảm giờ làm … và vì vậy sức mạnh và hiệu quả đạt được từ các phong trào này thường hạn chế, giai cấp công nhân cũng chưa thể trở thành giai cấp lãnh đaọ quần chúng lao động bị áp bức bóc lột, lật đổ giai cấp tư sản cải tạo xã hội. Dần dần từ các cuộc đấu tranh ấy đã hình thành nên yêu cầu phải lý luận riêng cho giai cấp công nhân và bằng việc tiếp thu lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân đã chuyển từ tự phát sang trình độ tự giác và thật sự trở thành phong trào chính trị. Các nhà sáng lập CNXH khoa học đã khẳng định rằng : thông qua cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, giai cấp công nhân phát triển từ trình độ tư phát lên tự giác và quá trình ấy diễn ra nhanh hay chậm phụ thuộc vào việc truyền bá lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Trình độ lý luận Mác Lênin cho phép giai cấp công nhân nhận thức được vị trí, vai trò của mình trong xã hội, nguồn gốc tạo nên sức mạnh và biết tạo nên sức mạnh đó bằng sự đoàn kết, nhận rõ mục tiêu, con đường và những biện pháp giải phòng giai cấp mình, giải phóng cả xã hội và giải phóng nhân loại. Đồng thời sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác Lênin vào phong trào công nhân cũng dẫn đến sự hình thành chính Đảng của giai cấp công nhân : Đảng Cộng sản. Giai cấp công nhân đã ý thức được rằng để đấu tranh giành được chính quyền và xây dựng xã hội mới, họ không có vũ khí nào quan trọng hơn là tổ chức mà hình thức tổ chức cao nhất là Đảng Cộng sản. tự mình tổ chức một chính Đảng độc lập của mình chống lại quyền lực liên hiệp của giai cấp tư sản và chỉ khi có chính đảng của mình, giai cấp công nhân mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp được. Hình thức tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản. Lênin đã chỉ ra rằng Đảng cộng sản hình thành trên cơ sở kết hợp giữa lý luận chủ nghĩa Mác Lênin và phong trào công nhân. . Ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, sự hình thành Đảng Cộng sản còn là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước, phong trào dân tộc.

Thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân các nước cho thấy rằng từ sau khi Đảng Cộng Sản lãnh đạo, giai cấp công nhân và phong trào công nhân chuyển từ hình thức đấu tranh tự phát sang tự giác trong mỗi hành động với tư cách một giai cấp tự giác và thực sự cách mạng. Chỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng mới gắn phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân với lý tưởng XHCN, làm cho công nhân nhận thức được lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đặc trưng của đấu tranh tự giác là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là giai cấp công nhân đấu tranh chính trị để giải phóng mình và quần chúng nhân dân lao động, đấu tranh lật đổ giai cấp tư sản giành chính quyền, nắm chính quyền, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới XHCN và CSCN.

Thực tiễn sự thất bại của cách mạng Pháp 1848-1850 và công xã PARIS 1871 đã chứng minh nếu như không có sự soi sáng của học thuyết cách mạng và khoa học của Chủ nghĩa Mác Lênin và sự dẫn dắt của một chính Đảng thật sự cách mạng thì mọi cuộc đấu tranh lật đổ chính quyền để xây dựng một xã hội mới đều không vươn tới những thắng lợi cuối cùng. Chỉ đến cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, một Đảng theo học thuyết cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân mới giành được thắng lợi; từ đó cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới

* Vai trò của ĐCS trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN

Phải nói rằng không có một giai cấp nào khi giữ vai trò lãnh đạo xã hội mà không thông qua chính đảng của mình. Đảng cộng sản không những là tổ chức chính trị cao nhất, đại biểu tập trung cho trí tuệ và lợi ích của toàn thể giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động và dân tộc. Chỉ khi nào có một đảng chính trị vững vàng, kiên định và sáng suốt, có đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn, thể hiện lợi ích của toàn bộ giai cấp và toàn bộ phong trào thì giai cấp công nhân mới có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Như vậy, Đảng là nhân tố có vai trò quyết định trong việc thực hiện và hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Vai trò đó thể hiện ở các mặt như : Đảng giác ngộ giai cấp công nhân và nhân dân lao động bằng lý luận tiên phong của chủ nghĩa Mác – Lênin và vận dụng lý luận ấy vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước; Đảng đề ra cương lĩnh chính trị, vạch ra cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động con đường đấu tranh cách mạng đúng đắn, tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao và giành chính quyền; khi giành được chính quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền và toàn xã hội thực hiện đường lối của Đảng đề ra để xây dựng xã hội mới.

Giữa Đảng và giai cấp công nhân có mối quan hệ hữu cơ không thể tách rời. Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội – giai cấp của Đảng, là nguồn bổ sung lực lượng của Đảng. Ngược lại, Đảng là chính đảng của giai cấp công nhân, hình thành trên quan điểm lập trường giai cấp công nhân, là đội tiên phong chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp. Những đảng viên của Đảng Cộng sản có thể không phải là công nhân nhưng phải là người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp này.

Thực tiễn sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô cho thấy bài học kinh nghiệm sâu sắc rằng một khi Đảng Cộng sản xa rời lập trường giai cấp công nhân, không tự đổi mới về trình độ lý luận chính trị, đội ngũ Đảng viên để lọt những phần tử cơ hội vào trong hàng ngũ của Đảng gây lũng đoạn làm cho bộ máy Đảng biến chất thì sớm muộn Đảng ấy cũng sẽ để mất vai trò lãnh đạo cách mạng. Thực tế ở Liên Xô và Động Âu là những điển hình, ở các nước này tuy giai cấp công nhân giành được chính quyền, nhưng do không thường xuyên tổng kết thực tiền, nâng cao trình độ lý luận của Đảng, việc chăm lo xây dựng Đảng chưa chặt chẽ đã làm mất vai trò và tính tiên phong của Đảng, đội ngũ Đảng viên bị phân hoá, mơ hồ về quan điểm, lập trường giai cấp, dễ dàng sa ngã theo phái chủ nghĩa cơ hội, một số khác biến dạng hình thành một đẳng cấp có đặc quyền, đặc lợi, xa rời quần chúng. Vì vậy, nhiều Đảng mất tín nhiệm giai cấp đi đến chia rẽ, tan rã. Khi thời cơ đến, những phần tử cơ hội trong Đảng sẵn sàng hợp tác với thế lực đế quốc phá hoại Đảng, phá hoại thành quả của CNXH, bắt đầu từ sự phản bội của người lãnh đạo chủ chốt; chủ nghĩa đế quốc can thiệp vừa tinh vi, vừa trắng trợn, thực hiện "diễn biến hòa bình" ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Như vậy, sự đổ vỡ của Liên Xô và các nước Đông âu không có nghĩa là sự sụp đổ của học thuyết về chủ nghĩa xã hội, không phải là sự sụp đổ của phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới mà nguyên nhân trực tiếp là Đảng Cộng sản phạm những sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức, xa rời giai cấp, thiếu tỉnh táo thanh lọc những phần tử cơ hội, nhất là những phần tử cơ hội về chính trị.

Từ những bài học trên cho thấy, để thể hiện và giữ vững vai trò lãnh đạo của mình trong việc tổ chức cho giai cấp công nhân thực hiện và hoàn thành sứ mệnh lịch sử, Đảng Cộng sản phải luôn luôn giữ vững lập trường giai cấp đồng thời phải thường xuyên tự đổi mới để vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện nâng cao ý chí cách mạng, lập trường giai cấp, nâng cao toàn diện trình độ kiến thức, trình độ lý luận; kịp thời tổng kết kinh nghiệm đề ra thực tiễn sâu sắc nhằm đề ra đường lối chiến lược sách lược đúng đắn, đồng thời phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao hiệu quả và sức chiến đấu của Đảng.

**14. Trình bày khái niệm, mục tiêu và động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

**Trả lời:**

* **Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa:**

Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giải phong xã hội, giải phóng con người, đó là mục tiêu cao cả mang tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc. Việc thực hiện mục tiêu đó gắn liền với từng giai đoạn của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

-        Mục tiêu trong giai đoạn thứ nhất của CMXHCN là giành lấy chính quyền về tay công nhân và nhân dân lao động.

-        Mục tiêu trong giai đoạn thứ hai của CMXHCN là xóa bỏ chế độ nhười người bóc lottj người, giải phóng xã hội, giải phóng con người, đưa lại cuộc sống ấm no hạnhphucs cho toàn dan; và khi xóa bỏ được tình trạng người bóc lột người thì tình trạng đan tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ.

* **Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa:**

Cách mạng XHCN là cuộc cách mạng có nội dung toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

- Trên lĩnh vực chính trị:

Nội dung cơ bản của CMXHCN trên lĩnh vực chính trị là đưa quần chúng nhân dân lao động từ địa vị nô lệ, làm thuê, bị áp bức bóc lột trở thành người làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội. Muốn thực hiện được nội dung đó, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản phải dùng bạo lực cách mạng đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, như C.Mác – Ph. Ănghen nói: “ Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc”

Bước tiếp theo là giai cấp công nhân phải xây dựng một nền dân chủ rộng rái cho nhân dân, đảm bỏ cho nhân đan lao động thực hiện dầy đủ quyền làm chủ về chính trị, tham gia vào công việc quản lý xã hội, quản lý nhà nước, làm cho nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân.

- Trên lĩnh vực kinh tế:

việc giành được chính quyền về tay giai cấp công nhân va nhân dân lao động mới chỉ là nhiệm vu quan trọng bước đầu. Nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa phải là phát triển kinh tế; nâng cao chủ nghĩa là cuộc cách mạng về kinh tế. Trong điều lệ quốc tế I, C.Mác viết: “Bất cứ cuộc Cách Mạng chính trị nào cũng chỉ là thủ đoạn để giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế “. Trong hệ tư tưởng Đức, Ông nói : Xây dựng chủ nghĩa cộng sản về thực chất là xây dựng về kinh tế. Chỉ có giải phóng về kinh tế là cơ sở giải phóng giai cấp công nhân về mặt tinh thần, làm chr được kinh tế mới làm chủ được mặt tinh thần.

Nội dung của CMXHCN trên lĩnh vực kinh tế trước hết phải thay đổi vị trí, vai trò của người lao động đối với tư liệu sản xuất. Xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu, sản xuất dưới những hình thức thích hợp; thực hiện những biện pháp cần thiết gắn người lao động với tư liệu sản xuất. Sau đó phải cải tạo nền sản xuất cũ, lạc hậu thành nền sản xuát lớn xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến để đưa năng suất lao động lên cao, nhằm từng bước cải thiện đời sống nhân dân và tạo ra những cơ sở vật chất lỹ thuật cho chủy nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, chủ nghĩa xã hội thực hiện nguyên tắc “ Làm theo năng lực, hưởng theo lao động”.

- Trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng

Cách mạng XHCN tạo nên sự biến đổi căn bản trong phương thức và nội dung sinh hoạt tinh thần của xã hội thưo hướng tiến bộ. Trên cơ sở kế thừa và nâng cao các giá trị văn hóa truyên thống của dân tộc, thực hiện việc tiếp thu các giá trị văn  hóa tiên tiến của thời đại để thực hiện việc giải phóng những người lao động về mặt tinh thần qua việc xây dựng từng bước thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới XHCN. Vì vậy, trong tuyên ngôn của Đảng cộng sản, C.MÁC – Ph. Ănghen đã chỉ rõ : “ Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những quan hệ sở hửu kế thừa của quá khứ; không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ”

Các nội dung trên diễn tả ra đồng thời và có quan hệ mật thiết, tác động, thúc đẩy lẫn nhau đưa đến sự thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

* **Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa:**

Cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục đích giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động ra khỏi tình trạng áp bức bóc lôt. Do vậy, nó thu hút sự tham gia đông đảo của giai cấp công nhân va tầng lớp nhân dân lao động, tạo thành những động lực to lớn của cách mạng.

Trước hết, đối với giai cấp công nhân: Giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng công sản, là động lực cơ bản, quan trọng nhất, bởi lẽ, giai cấp công nhân có vai trò quan trong trong lĩnh vực kinh tế, sản xuất ra nhiều của cải vật chất làm giàu cho xã hội. Mặt khác, giai cấp công nhân đề ra mục tiêu giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bất công, nghèo nàn, lạc hậu đã được các tâng lớp nhân dân hưởng ứng, đi theo tạo thành một sức mạnh đúng đắn đã đưa cách mạng từng bước đi đến thăng lợi. Do vậy, giai cấp công nhân và chính đảng của nó như là đầu tàu thúc đẩy cả con tàu cách mạng chuyển động đi về đích. Nên thực tế lịch sử cho thấy, khi nào và ở đâu phong trào công nhân vững mạnh, sự lảnh đạo của giai cấp công nhân sáng suốt thì cách mạng đi lên. Ở đâu phong trào công nhân suy yếu, sự lảnh đạo của giai cấp công nhân sai lầm thì phong trào cách mạng sẽ gặp khó khăn.

Thứ hai, đối với giai cấp nông dân: Giai cấp nông dân là động lực quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa vì giai cấp nông dân có nhiều lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của giai cấp công nhân, là lực lượng xã hội to lớn, đông đảo trong dân cư, có khả năng cách mạng to lớn. Trong mỗi giai đoạn của cách mạng, không thể thiếu vai  trò của giai cấp nông dân.

Trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền, giai cấp công nhân chỉ giành được thắng lợi khi tập hợp được sức mạnh của giai cấp nông dân. C. Mác –Phănghen chỉ ra răng : “ Cách mạng vô sản( theo nghĩa hẹp) phải là bản đồng ca của hai giai cấp : Công nhân và nông dân. Trong các quốc gia còn tồn tại phổ biến là nông dân, nếu không có được bản đồng ca ấy thì bài đơn ca cua giai cấp công nhân sẽ thành một bài ca ai điếu.”

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, giai cấp nông dân là lực lượng quan trọng trong sự phát triển kinh tế của đất nước, đồng thời là lực lượng to lớn bảo vệ vững chắc thành quả của CMXHCN, là điều kiện đảm bảo sự lảnh đạo của Đảng, là cơ sở xây dựng chính quyền nhà nước vững mạnh.

Thứ ba, đối với tầng lớp trí thức: Trí thức đóng vai trò quan trọng trong CMXHCN, đặc biệt là trong sự nghiệp xây dựng CHXN. V.I Lênin đã tưng khẳng định : “ Không có trí thức không thể CNXH”. Vì rằng, trí thức là những người có công lao chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, phát triển dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước; tham gia xây dựng đương lối của Đảng, chính sách của nhà nước, đưa nó vào trong quần chúng nhân dân. Đặc biệt là trong thời đại ngày nay, khi khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại phát triển thì vai trò động lực lượng lảnh đạo cách mạng vì họ không đại biểu cho bất kỳ một phương thức sản xuất nào; không có hệ tư tưởng độc lập. Trí thức phục vụ cho giai cấp thì mang ý thức hệ của giai cấp đó. Trí thức dưới chủ nghĩa xã hội mang ý thức hệ của giai cấp công nhân.

**15. Trình bày khái niệm giai cấp công nhân và những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Liên hệ giai cấp công nhân Việt Nam.**

**Trả lời:**

* Khái niệm giai cấp công nhân (giai cấp vô sản):

Cũng như mọi hiện tượng xã hội khác, giai cấp công nhân là con đẻ của một hoàn cảnh lịch sử cụ thể và cùng với sự phát triển của lịch sử, cũng luôn luôn phát  triển với những biểu hiện và đặc trưng mới trong từng giai đoạn nhất định.

Sự phát triển của đại công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành một tập đoàn xã hội rộng lớn, thành giai cấp vô sản hiện đại. Chính vì vậy, một kết luận rút ra là, giai cấp công nhân hiện đại ra đời gắn liền với sự phát triển của đại công nghiệp, nó là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp và lớn lên cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp đó.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là một trong những giai cấp cơ bản, chủ yếu, đối lập với giai cấp tư sản, là giai cấp bị giai cấp tư sản tước đoạt hết tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản để sống, bị bóc lột giá trị thặng dư. Họ là những người được tự do về thân thể và có quyền bán sức lao động tùy theo cung – cầu hàng hóa sức lao động. Đây là giai cấp bị bóc lột nặng nề, bị bần cùng hóa về vật chất lẫn tinh thần. Sự tồn tại của họ phụ thuộc và quy luật cung – cầu hàng hóa sức lao động, phụ thuộc vào kết quả lao động của chính họ. Họ phải tạo ra giá trị thặng dư, nhưng giá trị thặng dư lại bị giai cấp tư sản chiếm đoạt.

Dưới chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã định nghĩa rằng, “Giai cấp vô sản là giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất hết tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc bán sức lao động của mình đế sống”.

Dù giai cấp công nhân có bao gồm những công nhân làm những công việc khác nhau như thế nào đi nữa, thì theo C. Mác và Ph. Ăngghen, họ vẫn chỉ có hai tiêu chí cơ bản để xác định, phân biệt với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác.

- Một là, về phương thức lao động, phương thức sản xuất, đó là những người lao động trong nền sản xuất công nghiệp. Có thể họ là người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao. Đã là công nhân hiện đại thì phải gắn với nền đại công nghiệp, bởi vì nó là sản phẩm của nền đại công nghiệp. Giai cấp công nhân hiện đại là hạt nhân, bộ phận cơ bản của mọi tầng lớp công nhân.

- Hai là, về vị trí trong quan hệ sản xuất của giai cấp công nhân, chúng ta phải xem xét trong hai trường hợp sau:

+ Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa thì giai cấp công nhân là những người vô sản hiện đại, không có tư liệu sản xuất, nên buộc phải làm thuê, bán sức lao động cho nhà tư bản và bị toàn thể giai cấp tư sản bóc lột. Tức là giá trị thặng dư mà giai cấp công nhân tạo ra bị nhà tư bản chiếm đoạt. Chính căn cứ vào tiêu chí này mà những người công nhân dưới chủ nghĩa tư bản được gọi là giai cấp vô sản.

+ Sau cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền. Nó không còn ở vào địa vị bị áp bức, bị bóc lột nữa, mà trở thành giai cấp thống trị, lãnh đạo cuộc đấu tranh cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân cùng với toàn thể nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu đã công hữu hóa. Như vậy họ không còn là những người vô sản như trước và sản phẩm thặng dư do họ tạo ra là nguồn gốc cho sự giàu có và phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào hai tiêu chí cơ bản nói trên, chúng ta có thể định nghĩa giai cấp công nhân như sau: Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao, là lực lượng lao động cơ bản trực tiếp hoặc tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại ngày nay.

* Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:

Khi phân tích xã hội tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác với hai phát kiến vĩ đại, đó là quan niệm duy vật về lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư, đã chứng minh một cách khoa học rằng sự ra đời, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản là tất yếu và cũng khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất và cách mạng nhất, là lực lượng xã hội duy nhất có sứ mệnh lịch sử: xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và giải phóng toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Là giai cấp cơ bản bị áp bức dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân chỉ có thể thoát khỏi ách áp bức bằng con đường đấu tranh giai cấp chống giai cấp tư sản, bằng con đường thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Bằng cách đó, giai cấp công nhân vĩnh viễn thủ tiêu mọi hình thức người bóc lột người, chẳng những tự giải phóng mình, mà còn giải phóng cả các tầng lớp lao động khác, giải phóng dân tộc và giải phóng toàn thể nhân loại.

\_Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:

Giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử thế giới là do địa vị kinh tế - xã hội khách quan của nó quy định:

- Dưới chủ nghĩa tư bản, với sự phát triển của nền đại công nghiệp, giai cấp công nhân ra đời và từng bước phát triển. Giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất, cách mạng nhất của lực lượng sản xuất có trình độ xã hội hóa cao. Đây là giai cấp tiên tiến nhất, là lực lượng quyết định phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội xây dựng một phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là giai cấp tiêu biểu cho xu hướng phát triển của lịch sử trong thời đại ngày nay.

- Mặc dù là giai cấp tiên tiến, nhưng giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất nên buộc bán sức lao động của mình cho nhà tư bản để sống. Họ bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư mà họ đã tạo ra trong thời gian lao động. Một khi sức lao động đã trở thành hàng hóa, thì người chủ của nó (người vô sản) phải chịu đựng mọi thử thách, mọi may rủi của cạnh tranh; số phận của nó tùy thuộc vào quan hệ cung – cầu hàng hóa sức lao động trên thị trường làm thuê và phụ thuộc vào kết quả lao động của chính họ. Họ bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột và ngày càng bị bần cùng hóa cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần. Do đó, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản là mâu thuẫn đối kháng, cơ bản, không thể điều hòa trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Xét về mặt bản chất, giai cấp công nhân là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất chống lại chế độ áp bức bóc lột tư bản chủ nghĩa. Những điều kiện sinh hoạt khách quan của họ quy định rằng, họ chỉ có thể giải phóng mình bằng cách giải phóng toàn thể nhân loại khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng ấy, họ không mất gì ngoài xiềng xích và được cả thế giới về mình.

- Địa vị kinh tế - xã hội khách quan không chỉ khiến giai cấp công nhân trở thành giai cấp cách mạng triệt để mà còn tạo cho họ có khả năng thực hiện được sứ mệnh lịch sử đó. Đó là khả năng đoàn kết giai cấp trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản và xây dựng xã hội mới. Đó là khả năng đoàn kết với các giai cấp lao động khác chống chủ nghĩa tư bản.  Đó là khả năng đoàn kết toàn thể giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên quy mô quốc tế chống chủ nghĩa đế quốc.

Vì vậy, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản thực sự cách mạng. Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp; giai cấp vô sản, trái lại, là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”.

**16. Trình bày những đặc trưng cơ bản của Xã hội chủ nghĩa (giai đoạn thấp của Chủ nghĩa xã hội). Nêu tám đặc trưng của Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo văn kiện Đại hội XI của Đảng cộng sản Việt Nam.**

**Trả lời:**

Những đặc trưng cơ bản của Xã hội chủ nghĩa (giai đoạn thấp của Chủ nghĩa xã hội):

- Đặc trưng thứ nhất: cơ sở vật chất – kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội là nền sản xuất công nghiệp hiện đại.

Chỉ có nền sản xuất công nghiệp hiện đại mới đưa năng suất lao động lên cao, tạo ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội, đảm bảo đáp ứng những nhu cầu về vật chất và văn hóa của nhân dân, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội cho toàn dân. Nền công nghiệp hiện đại đó được phát triển dựa trên lực lượng sản xuất đã phát triển cao. Ở những nước thực hiện sự quá độ “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội”, trong đó có Việt Nam thì đương nhiên phải có quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để từng bước xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại cho chủ nghĩa xã hội.

- Đặc trưng thứ hai: Chủ nghĩa xã hội đã xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu.

Thủ tiêu chế độ tư hữu là cách nói vắn tắt nhất, tổng quát nhất về thực chất của công cuộc cải tạo xã hội theo lập trường của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, không phải xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung mà là xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội được hình thành dựa trên cơ sở từng bước thiết lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, bao gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Chế độ sở hữu này được củng cố, hoàn thiện, bảo đảm  thích ứng với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, xóa bỏ dần những mâu thuẫn đối kháng trong xã hội, làm cho mọi thành viên trong xã hội ngày càng gắn bó với nhau vì những lợi ích căn bản.

- Đặc trưng thứ ba: Chủ nghĩa xã hội tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới.

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của đại đa số nhân dân lao động, vì lợi ích của đa số nhân dân. Chính bản chất và mục đích đó, cần phải tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới phù hợp với địa vị làm chủ của người lao động, đồng thời khắc phục những tàn dư của tình trạng lao động bị tha hóa trong xã hội cũ.

- Đặc trưng thứ tư: Chủ nghĩa xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động – nguyên tắc phân phối cơ bản nhất.

Chủ nghĩa xã hội bảo đảm cho mọi người có quyển bình đẳng trong lao động sáng tạo và hưởng thụ. Mọi người có sức lao động đều có việc làm và được hưởng thù lao theo nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”. Đó là một trong những cơ sở của công bằng xã hội ở giai đoạn này.

- Đặc trưng thứ năm: Chủ nghĩa xã hội có Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc; thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thông qua nhà nước, Đảng lãnh đạo toàn xã hội về mọi mặt và nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình trên mọi mặt của xã hội. Nhân dân lao động tham gia nhiều vào công việc nhà nước. Đây là một “nhà nước nửa nhà nước”, với tính tự giác, tự quản của nhân dân rất cao, thể hiện các quyền dân chủ, làm chủ và lợi ích của chính mình ngày càng rõ hơn.

- Đặc trưng thứ sáu: CNXH đã giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện.

Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức về kinh tế và nô dịch về tinh thần, bảo đảm sự phát triển toàn diện cá nhân, hình thành và phát triển lối sống xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi người phát huy tính tích cực của mình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhờ xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa mà xóa bỏ sự đối kháng giai cấp, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, tình trạng nô dịch và áp bức dân tộc, thực hiện được sự công bằng, bình đẳng xã hội.

Công cuộc đổi mới đất nước đã và đang thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng đã thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội Việt Nam, tám đặc trưng của Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo văn kiện Đại hội XI của Đảng cộng sản Việt Nam:

**- Đặc trưng thứ nhất**: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh   
  
Đây là đặc trưng tổng quát nhất chi phối các đặc trưng khác, bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ở nước ta, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội phải được biểu hiện cụ thể thiết thực, trên cơ sở kế thừa quan điểm Marx-Lenin về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đồng thời vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh…là công bằng, hợp lý, mọi người đều được hưởng quyền tự do, dân chủ, được sống cuộc đời hạnh phúc…   
  
Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng phải hướng tới việc hiện thực hóa đầy đủ, đồng bộ hệ mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh. Tư tưởng xuyên suốt của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đối với dân tộc Việt Nam, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thật sự. Đây là khát vọng tha thiết của toàn thể nhân dân Việt Nam sau khi đất nước giành được độc lập và thống nhất Tổ quốc.   
  
**- Đặc trưng thứ hai**: do nhân dân làm chủ   
  
Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện ở bản chất ưu việt chính trị của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế thừa giá trị quan điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin sự nghiệp cách mạng là của quần chúng; kế thừa những giá trị trong tư tưởng truyền thống của dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: dân chủ tức là dân là chủ, dân làm chủ.   
  
Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong đặc trưng vừa nêu còn được thể hiện trong nhận thức của Đảng ta về việc từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với việc bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân (nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực).   
  
Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung và phát triển) đã tiếp tục khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mọi cấp, trên tất cả các lĩnh vực thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân bầu ra và các hình thức dân chủ trực tiếp…”.   
  
**- Đặc trưng thứ ba**: có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.   
  
Đây là đặc trưng thể hiện tính ưu việt trên lĩnh vực kinh tế của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng so với các chế độ xã hội khác.   
  
Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung và phát triển) tiếp tục khẳng định: Những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khi bàn về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.   
  
Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.  
  
Quan điểm này hoàn toàn nhất quán với đặc trưng trong quan hệ sản xuất của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang xây dựng là xác lập dần từng bước chế độ công hữu. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu là một trong những yếu tố đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế.   
  
**- Đặc trưng thứ tư**: có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc   
  
Tính ưu việt về tiến tiến của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện khái quát, nhân văn của văn hóa nhân loại; ở việc giữ gìn bản sắc dân tộc (những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam: chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, truyền thống đoàn kết và nhân ái, ý thức về độc lập, tự do, tự cường dân tộc...).  
  
Xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc đòi hỏi vừa phải tiếp thu những giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại, vừa phải kế thừa, phát triển bản sắc văn hóa của các tộc người Việt Nam, xây dựng một nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Sự kết hợp hài hòa những giá trị tiên tiến với những giá trị mang đậm bản sắc dân tộc thể hiện tính ưu việt của CNXH mà nhân dân ta đang xây dựng trên lĩnh vực văn hóa, làm cho văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.   
  
**- Đặc trưng thứ năm**: con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.   
  
Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng không chỉ được thể hiện trong đặc trưng tổng quát dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mà còn được thể hiện qua đặc trưng về con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Về phương diện con người, chủ nghĩa xã hội đồng nghĩa với chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo: tất cả vì con người, cho con người và phát triển con người toàn diện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa. Để có con người xã hội chủ nghĩa phải xác định và hiện thực hóa hệ giá trị phản ánh nhu cầu chính đáng của con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng.   
  
Vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa, Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung và phát triển) đã xác định hệ giá trị phản ánh nhu cầu, nguyện vọng thiết thực của con người Việt Nam hiện nay là: có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội thể hiện trong đặc trưng này là quan điểm nhân văn, vì con người, chăm lo xây dựng con người, phát triển toàn diện con người (đức, trí, thể, mỹ) của Đảng và Nhà nước ta.   
  
**- Đặc trưng thứ sáu**: các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.   
  
Đặc trưng này thể hiện tính ưu việt trong chính sách dân tộc, giải quyết đúng các quan hệ dân tộc (theo nghĩa hẹp là quan hệ giữa các tộc người) trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam.   
  
Thực hiện 25 năm đổi mới đất nước đã và đang chứng minh tính ưu việt trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, chứng minh tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong giải quyết các quan hệ dân tộc ở Việt Nam. Nhờ đó đã và đang phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, tính đồng thuận trong cộng đồng 54 dân tộc anh em, chống lại âm mưu chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch.   
  
**- Đặc trưng thứ bảy**: có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.   
  
Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện trong tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.   
  
Tính ưu việt của một xã hội do nhân dân làm chủ gắn bó mật thiết với tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.   
  
Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung và phát triển) đã chỉ rõ tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang hướng tới xây dựng. Đó là: Nhà nước gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lộng quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân…   
  
**- Đặc trưng thứ tám**: có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.   
  
Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng không chỉ thể hiện tính ưu việt trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội mà còn thể hiện trong quan hệ đối ngoại, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.   
  
Việt Nam luôn luôn khẳng định quan hệ hữu nghị và hợp tác giữ nhân dân ta và nhân dân các nước trên thế giới. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế…Đảng và Nhà nước ta chủ trương hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.   
  
Việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia tích cực vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực đã chứng minh một cách sinh động tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng, thể hiện trong đặc trưng về quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.../.

**17. Trình bày khái niệm dân tộc và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc.**

**Trả lời:**

Khái niệm dân tộc

Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:

Thứ nhất, khái niệm dân tộc dùng để chỉ cộng đồng người cụ thể nào đó có những mối liên hệ chặt chẽ, bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ chung của cộng đồng và trong sinh hoạt văn hóa có những nét đặc thù so với những cộng đồng khác; xuất hiện sau cộng đồng bộ lạc; có kế thừa và phát triển hơn những nhân tố tộc người ở cộng đồng bộ lạc và thể hiện thành ý thức tự giác của các thành viên trong cộng đồng đó.

Thứ hai, khái niệm dân tộc dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành nhân dân của một quốc gia, có lãnh thổ chung, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Như vậy, nếu theo nghĩa thứ nhất, dân tộc là bộ phận của quốc gia, là cộng đồng xã hội theo nghĩa là các tộc người, còn theo nghĩa thứ hai thì dân tộc là toàn bộ nhân dân một nước, là quốc gia dân tộc. Với nghĩa như vậy, khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia có sự gắn bó chặt chẽ với nhau, dân tộc bao giờ cũng ra đời trong một quốc gia nhất định và thực tiễn lịch sử chứng minh rằng những nhân tố hình thành dân tộc chín muồi thường không tách rời với sự chín muồi của những nhân tố hình thành quốc gia. Đây là những nhân tố bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình phát triển.

* Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc:
* Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:
* Quyền bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng của mỗi dân tộc trong mối quan hệ với các dân tộc khác.
* Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng nghĩa là: các dân tộc lớn hay nhỏ, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trước pháp luật mõi nước và luật pháp quốc tế, không 1 dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi và đi áp bức bóc lột dân tộc khác.
* Đấu tranh cho quyền bình đẳng xét ở 1 phạm vi quốc gia đa dân tộc cần thể hiện ở việc thể chế hóa bằng luật pháp, khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, giáo dục,… do lịch sử để lại.
* Đấu tranh cho quyền bình đẳng dân tộc xét trên phạm vi thế giới thể hiện thông qua cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc thượng đẳng, chủ nghĩa bá quyền nước lớn, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc,… chống sự áp bức, bóc lột của các nước phát triển với các nước lạc hậu, chậm phát triển.
* Các dân tộc được quyền tự quyết:
* Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình, quyền tự quyết chế độ chính trị- xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình.
* Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do độc lập về chính trị-tách ra thành lập 1 quốc gia dân tộc vì lợi ích của các dân tộc, đồng thời bao gồm quyền tự nguyện lien hợp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi để phát triển quốc gia-dân tộc.
* Quyền tự quyết dân tộc cần được thực hiện trên lập trường của giai cấp công nhân, kiên quyết đấu tranh chống lại những âm mưu lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, đòi ly khai, chia rẽ dân tộc.
* Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:
* Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc tạo nên sức mạnh để giai cấp công nhân và phong trào dân tộc có thể giành thắng lợi.
* Liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân thuộc các dân tộc khác nhau trong cuộc đâu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ Xã hội.
* Liên hệ: Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc. Vậy nên Đảng và Nhà nước đã có một số giải pháp chủ yếu thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay:
* Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về vị trí, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình mới.
* Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc và miền núi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển các vùng dân tộc và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới.
* Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, giúp đỡ vùng dân tộc và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế – xã hội, giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào vùng dân tộc và miền núi; trước hết tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn.
* Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc và miền núi.
* Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc.
* Kiện toàn và chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.
* Tăng cường công tác vận động quần chúng trong việc bảo đảm thực hiện tốt chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

**1**8. **Trình bày nội dung của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.**

**Trả lời:**

Xã hội tư bản chủ nghĩa càng phát triển thì mâu thuẫn cơ bản nhất của\_mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, càng trở nên gay gắt. Đến một mức độ nào đó, mâu thuẫn này sẽ dẫn đến một cuộc cách mạng vô sản lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng một xã hội khác văn minh công bằng phát triển hơn dựa trên chế độ xã hội chủ nghĩa. Sau cuộc cách mạng, thời kỳ đi từ hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội được gọi là thời kỳ quá độ.

Cuộc cách mạng vô sản là một điều tất yếu trong lịch sử. Trong xã hội cũ, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tạo ra một nghịch lý là của cải xã hội ngày càng tập trung vào tay một số ít người trong khi những người chủ yếu sản xuất ra của cải lại ngày càng bị bần cùng hóa. Người công nhân tạo ra giá trị thặng dư nhưng giá trị thặng dư lại thuộc về nhà tư bản, làm giàu cho nhà tư bản. Hơn thế nữa để theo đuổi giá trị thặng dư tối đa nhà tư bản không ngừng bóc lột áp bức người công nhân. Nền sản xuất càng phát triển thì trình độ bóc lột và quy mô bóc lột càng lớn, đời sống người công nhân càng cực khổ còn nhà tư bản càng trở nên giàu có trên lưng người công nhân, mâu thuẫn xã hội càng trở nên gay gắt. Khi chủ nghĩa tư bản không thể dung hòa mâu thuấn này được nữa, nó thúc đẩy một cuộc cách mạng giải phóng giai cấp giải phóng dân tộc.

Vì mâu thuấn giai cấp tư sản và vô sản\_mâu thuẫn cơ bản không thể tự triệt tiêu trong xã hội tư bản chủ nghĩa\_ là nguyên nhân nổ ra cuộc cách mạng nên sau khi giai cấp công nhân dành dược chính quyền cần phải từ bỏ con đường phát triển của tư bản chủ nghĩa, cần đưa xã hội lên một hình thái kinh tế mới mà ở đó mâu thuẫn cơ bản của xã hội cũ được triệt để giải quyết. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là điều tất yếu.

Thời kỳ quá độ cũng là một thời kỳ tất yếu trong lịch sử. Tính tất yếu đó được quy định bởi những nguyên nhân sau:  
        Thứ nhất, bản chất khác biệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, một cái dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, một cái dựa trên cơ sở tư hữu về tư liệu sản xuất. Trong xã hội chủ nghĩa cộng sản không tồn tại giai cấp và bóc lột còn tư bản chủ nghĩa phân chia xã hội thành hai giai cấp có sự khác biệt sâu sắc: giai cấp vô sản và giai cấp tư sản và luôn tồn tại sự áp bức bóc lột đối với giai cấp vô sản. sau cuộc cách mạng vô sản giai cấp công nhân đã dành được chính quyền nhưng ngay thời điểm đó trong xã hội vẫn còn tồn tại tư hữu và giai cấp. Mà tư hữu và giai cấp là hai yếu tố hoàn toàn trái ngược với nền tảng của chủ nghĩa xã hội (công hữu và phi giai cấp). Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một xã hội có khác biệt về bản chất quá lớn như vậy cần có thời gian.

Thứ hai, nền sản xuất của chủ nghĩa xã hội là nền sản xuất đại công nghiệp trình độ cao. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã đóng góp cho nhân loại những tiến bộ vượt bậc về năng suất, kỹ thuật và sản lượng. Nó tạo nên một tiền đề về vật chất kỹ thuật có thể sử dụng để xs chủ nghĩa xã hội. Ví dụ như sự phát triển khoa học kỹ thuật, các nhà máy nhà xưởng hiện đại, đội ngũ công nhân tay nghề cao. Tuy nhiên ban đầu những yếu tố này chưa hẳn đã có thể phục vụ cho chủ nghĩa xã hội. Như nhà máy nhà xưởng còn thuộc sở hữu cá nhân hay của một tập đoàn người, phong cách quản ý con người trong sản xuất còn mang nặng tính tư bản,… để có thể tận dụng được các yếu tố đã nêu trên cần có thời gian.

Đói với các nước có nền kinh tế càng chưa phát triển, tức là cách càng xa cái nền sản xuất đại công nghiệp trình độ cao, thì thời gian quá độ càng dài. Các nước nông nghiệt cần thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa, xây dựng cho mình một tiền đề về kinh tế kỹ thuật cơ sở vật chất để tiến vào chủ nghĩa xã hội, hình thái kinh tế xã hội mà của cải tạo ra dư thừa.

Thứ ba, mặc dù mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản chính là nguồn gốc của xã hội mới, mặc dù giai cấp công nhân đã dành được chính quyền về tay mình sau các cuộc cách mạng nhưng trong xã hội vẫn chưa hình thành các quan hệ của chủ nghĩa xã hội. Trong lòng chủ nghĩa tư bản không thể nảy sinh ra những quan hệ của chủ nghĩa xã hội, sự phát triển trình độ dù cao đến đâu của chủ nghĩa tư bản cũng chỉ tạo được cái tiền đề, cái điều kiện mà thôi. Muốn có được điều đó cần phải có thời gian, cần một quá tình lịch sử.

Nguyên nhân cuối cùng, tuy là hình thái kinh tế xã hội xuất hiện ngay sau chủ nghĩa tư bản nhưng chủ nghĩa xã hội mang những đặc trưng, nền tảng bản chất hoàn toàn khác thậm chí trái ngược chủ nghĩa tư bản. Một xã hội phát triển hơn bao giờ cũng bao hàm tính phức tạp hơn, xây dựng chủ nghĩa xã hội trước nay chưa có tiền lệ, công cuộc xây dựng đầy sự mới mẻ, khó khăn, giai cấp công nhân cũng cần thời gian để phát triển và thích ứng theo từng bước.

Thời kỳ quá độ ở các nước khác nhau kéo dài khác nhau. Các nước mà chủ nghĩa tư bản phát triển ở trình dộ càng cao thì thời kỳ này diễn ra càng ngắn, ngược lại, các nước mà chủ nghĩa tư bản còn chưa phát triển hay còn có nên kinh tế lạc hậu thì thời kỳ quá độ kéo dài và khó khăn hơn.

**19. Nền dân chủ là gì? Nêu những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa.**

**Trả lời:**

Dân chủ  là “một hình thức của chính phủ, trong đó mọi người dân của một nhà nước hoặc chính thể... đều tham gia vào việc ra quyết định về các vấn đề của mình, thường bằng cách bỏ phiếu để bầu người đại diện cho một quốc hội hoặc thể chế tương tự.”[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7#cite_note-1) Dân chủ được định nghĩa thêm như a) “chính quyền của nhân dân, đặc biệt là: trị của số đông b)”một chính phủ trong đó quyền lực tối cao được trao cho người dân và thực hiện bởi họ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hệ thống đại diện thường liên quan đến việc tổ chức định kỳ các cuộc bầu cử tự do”.

Trong quá trình hình thành và phát triển, dân chủ xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản sau đây:  
- Một là, với tư cách là chế độ nhà nước được sáng tạo bởi quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân.Nhà nước xã hội chủ nghĩa là thiết chế chủ yếu thực thi dân chủ do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua chính đảng của nó.Nhà nước bảo đảm thoả mãn ngày càng cao các nhu cầu và lợi ích của nhân dân, trong đó có lợi ích của giai cấp công nhân.Đây chính là đặc trưng bản chất chính trị của dân chủ xã hội chủ nghĩa. Điều đó nó cho thấy, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.  
- Hai là: nền dân chủ XHCN có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội.Chế độ sở hữu đó phù hợp với quá trình xã hội hoá ngày càng cao của sx nhằm thoả mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về vật chất và tinh thần của tất cả quần chúng nhân dân lao động.Đây là đặc trưng kinh tế cuả nền DCXHCN.Đặc trưng này được hình thành và bộc lộ ngày càng đầy đủ cùng với quá trình hình thành và hoàn thiện của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.Đó là quá trình cải tạo và xây dựng lâu dài kể từ khi bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH cho đến khi CNXH thực sự trưởng thành.  
- Ba là: Trên là cơ sở của sự kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn thể xã hội, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sức động viên , thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xh mới.Trong nền dân chủ XHCN, tất cả các tổ chức chính trị xã hội , các đoàn thể và mọi công dân đều được tham gia vào mọi công việc của nhà nước.Mọi công dân đều được bầu cử ,ứng cử và đề cử vào các cơ quan nhà nước các cấp.  
- Bốn là nền dân chủ XHCN cần có và phải có những điều kiện tồn tại với tư cách là một nền dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử nhưng vẫn là nền dân chủ mang tính giai cấp.Thực hiện dân chủ rộng rãi với đông đảo quần chúng nhân dân, đồng thời hạn chế dân chủ và thực hiện trấn áp với thiểu số giai cấp áp bức, bóc lột và phản động.Trong nền dân chủ đó, chuyên chính và dân chủ là hai mặt, hai yếu tố quy định lẫn nhau, tác động, bổ sung cho nhau.Đây chính là chuyên chính kiểu mới và dân chủ theo lối mới trong lịch sử.

**20. Trình bày khái niệm và những đặc trưng cơ bản của Nhà nước Xã hội chủ nghĩa.**

**Trả lời:**

* Khái niệm Nhà nước XHCN là Nhà nước XHCN là một trong những tổ chức chính trị cơ bản nhất của hệ thống chính trị XHCN một công cụ quản lý mà Đảng của giai cấp của GCCN lãnh đạo nhân dân tổ chức ra để qua đó là chủ yếu, nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình, cũng qua đó là chủ yếu mà GCCN và Đảng của nó lãnh đạo xã hội về mọi mặt. Nhà nước XHCN nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị xã hội XHCN nên nó là một loại hình thức nhà nước dân chủ.
* Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin:

CNXH là giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nó có sự khác nhau về chất và nguyên tắc xây dựng so với Chủ nghĩa tư bản. Dựa vào cơ sở lý luận khoa học của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta có thể nêu ra những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau:

- Đặc trưng thứ nhất: cơ sở vật chất – kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội là nền sản xuất công nghiệp hiện đại.

Chỉ có nền sản xuất công nghiệp hiện đại mới đưa năng suất lao động lên cao, tạo ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội, đảm bảo đáp ứng những nhu cầu về vật chất và văn hóa của nhân dân, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội cho toàn dân. Nền công nghiệp hiện đại đó được phát triển dựa trên lực lượng sản xuất đã phát triển cao. Ở những nước thực hiện sự quá độ “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội”, trong đó có Việt Nam thì đương nhiên phải có quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để từng bước xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại cho chủ nghĩa xã hội.

- Đặc trưng thứ hai: Chủ nghĩa xã hội đã xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu.

Thủ tiêu chế độ tư hữu là cách nói vắn tắt nhất, tổng quát nhất về thực chất của công cuộc cải tạo xã hội theo lập trường của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, không phải xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung mà là xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội được hình thành dựa trên cơ sở từng bước thiết lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, bao gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Chế độ sở hữu này được củng cố, hoàn thiện, bảo đảm  thích ứng với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, xóa bỏ dần những mâu thuẫn đối kháng trong xã hội, làm cho mọi thành viên trong xã hội ngày càng gắn bó với nhau vì những lợi ích căn bản.

- Đặc trưng thứ ba: Chủ nghĩa xã hội tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới.

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của đại đa số nhân dân lao động, vì lợi ích của đa số nhân dân. Chính bản chất và mục đích đó, cần phải tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới phù hợp với địa vị làm chủ của người lao động, đồng thời khắc phục những tàn dư của tình trạng lao động bị tha hóa trong xã hội cũ.

- Đặc trưng thứ tư: Chủ nghĩa xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động – nguyên tắc phân phối cơ bản nhất.

Chủ nghĩa xã hội bảo đảm cho mọi người có quyển bình đẳng trong lao động sáng tạo và hưởng thụ. Mọi người có sức lao động đều có việc làm và được hưởng thù lao theo nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”. Đó là một trong những cơ sở của công bằng xã hội ở giai đoạn này.

- Đặc trưng thứ năm: Chủ nghĩa xã hội có Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc; thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thông qua nhà nước, Đảng lãnh đạo toàn xã hội về mọi mặt và nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình trên mọi mặt của xã hội. Nhân dân lao động tham gia nhiều vào công việc nhà nước. Đây là một “nhà nước nửa nhà nước”, với tính tự giác, tự quản của nhân dân rất cao, thể hiện các quyền dân chủ, làm chủ và lợi ích của chính mình ngày càng rõ hơn.

- Đặc trưng thứ sáu: CNXH đã giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện.

Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức về kinh tế và nô dịch về tinh thần, bảo đảm sự phát triển toàn diện cá nhân, hình thành và phát triển lối sống xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi người phát huy tính tích cực của mình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhờ xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa mà xóa bỏ sự đối kháng giai cấp, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, tình trạng nô dịch và áp bức dân tộc, thực hiện được sự công bằng, bình đẳng xã hội.

Những đặc trưng trên phản ánh bản chất của chủ nghĩa xã hội, nói lên tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Và do đó, chủ nghĩa xã hội là một xã hội tốt đẹp, lý tưởng, ước mơ của toàn thể nhân loại. Những đặc trưng đó có mối quan hệ mật thiết với nhau. Do đó, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cần phải quan tâm đầy đủ tất cả các đặc trưng này.

* Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Căn cứ vào tình hình cụ thể của đất nước và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội theo quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, Đảng ta đã xác định những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở VIệt Nam mà chúng ta sẽ xây dựng là:

- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tự liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Những đặc trưng trên đều mang tính dự báo. Với sự phát triển về kinh tế và xã hội của đất nước, thời đại, những đặc trưng sẽ được tiếp tục bổ sung, phát triển trong tiến trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

**21. Trình bày nội dung cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

**Trả lời:**

* Nội dung chính trị của liên minh:

Liên minh công- nông- trí thức trên lĩnh vực chính trị cần thể hiện ở những điểm sau đây:

Một là: mục tiêu, lợi ích chính trị cơ bản nhất của GCCN, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và của cả dân tộc ta là: Độc lập dân tộc và CNXH. Nhưng để đạt được mục tiêu, lợi ích chính trị cơ bản đó khi thực hiện liên minh lại không thể dung hòa lập trường chính trị của 3 giai tầng mà phải trên lập trường tư tưởng chính trị của GCCN. Bởi vì, chỉ có phấn đấu thực hiện mục tiêu lý tưởng của GCCN thì mới thực hiện được đồng thời cả nhu cầu lợi ích chính trị cơ bản của công nhân, nông dân, trí thức và của dân tộc là lập dân tộc và CNXH.

Hai là: Khối liên minh chiến lược này phải đo Đảng của GCCN lãnh đạo thì mới có đường lối chủ trương đúng đắn để thực hiện liên minh, thực hiện quá trình giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng CNXH thành công. Do đó, Đảng Cộng sản từ trung ương đến cơ sở phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để lãnh đạo khối liên minh và lãnh đạo xã hội là vấn đề có ý nghĩa như 1 nguyên tắc về chính trị của liên minh. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, liên minh công- nông- trí thức ở nước ta còn làm nòng cốt cho liên minh chính trị rộng lớn nhất là Mặt trận Tổ quốc, là cơ sở để xây dựng nền dân chủ XHCN, đồng thời là nền tảng cho nhà nước XHCN ngày càng được củng cố lớn mạnh để bảo vệ tổ chức và xây dựng CNXH.

Ba là: nội dung chính trị của liên minh không tách rời nội dung, phương thức đổi mới hệ thống chính trị trên phạm vi cả nước. Dưới góc độ của liên minh, cần cụ thể hóa việc đổi mới về nội dung tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị trong GCCN, nông dân và trí thức. Nội dung chính trị cấp thiết nhất hiện nay là triển khai thực hiện “Quy chế dân chủ ở cơ sở”, nhất là ở nông thôn.

* Nội dung kinh tế của liên minh:

Nội dung kinh tế là nội dung cơ bản, quyết định nhất, là cơ sở vật chất kỹ thuật vững chắc của liên minh trong thời kỳ quá độ. Nội dung kinh tế của liên minh ở nước ta trong thời kỳ quá độ được cụ thể hóa ở những điểm sau đây:

- Phải xác định đúng thực trạng, tiềm năng kinh tế của cả nước và của sự hợp tác quốc tế, từ đó mà xác định đúng cơ cấu kinh tế gắn liền với những nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và của toàn xã hội. Đảng ta xác định cơ cấu kinh tế chung của nước ta là “Công- nông nghiệp- dịch vụ”. Trong điều kiện hiện nay, Đảng ta còn xác định “Từng bước phát triển kinh tế tri thức, từ đó ma tăng cường liên minh công- nông- trí thức”

- Trên cơ sở kinh tế, các nhu cầu kinh tế phát triển dưới nhiều hình thức hợp tác, liên kết, giao lưu… trong sản xuất, lưu thông phân phối giữa công nhân, nông dân, trí thức; giữa các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, khoa học công nghệ và các lĩnh vực khác; giữa các địa bàn, vùng, miền dân cư trong cả nước, giữa nước ta và các nước khác.

- Từng bước hình thành QHSX XHCN trong quá trình thực hiện liên minh. Việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phải được thể hiện qua việc đa dạng và đổi mới các hình thức hợp tác kinh tế, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, trang trại, dịch vụ ở nông thôn. Trong quá trình hình thành QHSX phải trên cơ sở công hữu hóa các TLSX chủ yếu, kinh tế nhà nước vươn lên giữ vai trò chủ đạo, cùng kinh tế tập thể làm nền tảng cho nền kinh tế cả nước, theo định hướng XHCN.

- Nội dung kinh tế của liên minh ở nước ta còn thể hiện ở vai trò của Nhà nước. Nhà nước có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện liên minh. Vai trò của Nhà nước đối với nông dân thể hiện qua chính sách khuyến nông, các tổ chức khuyến nông, các cơ sở kinh tế Nhà nước, Nhà nước có những chính sách hợp lý thể hiện quan hệ của mình với nông dân, tạo điều kiện cho liên minh phát triển. Nông nghiệp và nông thôn không chỉ là một ngành kinh tế, một khu vực kinh tế mà còn là một lĩnh vực mang ý nghĩa sinh thái xã hội.

Đối với tri thức, Nhà nước cần phải đổi mới và hoàn chỉnh các luật, chính sách có liên quan trực tiếp đến sở hữu trí tuệ như chính sách phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, về bản quyền tác giả, về báo chí, xuất bản, về văn học nghệ thuật… Hướng các hoạt động của trí thức vào việc phục vụ công- nông, gắn với cơ sở sản xuất và đời sống toàn xã hội.

* Nội dung văn hóa, xã hội của liên minh:

Liên minh về văn hóa, xã hội thể hiện qua các nội dung cụ thể sau đây:

- Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Nội dung xã hội mang ý nghĩa kinh tế và chính trị cấp thiết trước mắt của liên minh là tạo nhiều việc làm có hiệu quả, đồng thời kết hợp các giải pháp cứu trợ, hỗ trợ để xóa đói, giảm nghèo cho công nhân, nông dân và trí thức.

- Đổi mới và thực hiện tốt các chính sách xã hội, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ xã hội trong công nhân, nông dân, trí thức cũng là nội dung xã hội cần thiết, đồng thời còn mang ý nghĩa giáo dục truyền thống, đạo lý, lối sống… cho toàn xã hội và thế hệ mai sau.

- Nâng cao dân trí là nội dung cơ bản, lâu dài. Trước mắt tập trung vào việc củng cố thành tựu xóa mù chữ, trước hết là đối với nông dân, nhất là ở miền núi. Nâng cao kiến thức về khoa học công nghệ, về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Khắc phục các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu, các biểu hiện tiêu cực như tham nhũng, quan liêu. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Gắn quy hoạch phát triển công nghiệp, khoa học công nghệ với quy hoạch phát triển nông thôn, đô thị hóa, công nghiệp hóa nông thôn với kết cấu hạ tầng ngày càng thuận lợi và hiện đại.Xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, các công trình phúc lợi công cộng 1 cách tương xứng, hợp lý ở các vùng nông thôn, đặc biệt là vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Có như vậy, nội dung liên minh mới toàn diện và đạt mục tiêu của định hướng XHCN và mới làm cho công- nông- trí thức cũng như các vùng, miền, dân tộc xích lại gần nhau trên thực tế.

**22. Trình bày khái niệm nền văn hóa XHCN. Vì sao phải xây dựng nền văn hóa Xã hội chủ nghĩa? Nêu những đặc trưng của nền văn hóa Xã hội chủ nghĩa.**

**Trả lời:**

* Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

Chế độ mới xã hội chủ nghĩa được xác lập với hai tiền đề quan trọng là tiền đề chính trị (sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền) và tiền đề kinh tế (chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu được thiết lập). Từ hai tiền đề chính trị và kinh tế đó, tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát triển trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có sự hình thành, phát triển của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

* Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa có những đặc trưng, cơ bản sau đây:

\_Một là, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân là nội dung cốt lõi, giữ vai trò chủ đạo, quyết định phương hưởng phát triển nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, trong xã hội có giai cấp, ý thức hệ giai cấp là nội dung cốt lõi của mọi nền văn hóa. Trong mọi thời đại, tư tưởng của giai cấp thống trị trở thành tư tưởng thống trị của thời đại đó. Chính vì vậy, sau khi giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền thì ý thức hệ của nó trở thành nhân tố giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội.

Đặc trưng nói trên phản ánh bản chất giai cấp công nhân của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Mọi sự coi nhẹ, xa rời nội dung khoa học, cách mạng của ý thức hệ giai cấp công nhân đều nhất định dẫn đến kết cục là không thể xây dựng được nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

\_Hai là, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc. Đặc trưng này thể hiện mục đích và động lực nội tại của quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, quá trình xây dựng xã hội mới. Trong các xã hội cũ, giai cấp thống trị bóc lột độc quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất và trên cơ sở đó cùng độc quyền chi phối đời sống tinh thần, nền văn hóa của xã hội.

Chúng độc quyền mọi phương tiện sáng tạo và sản phẩm của hoạt động tinh thần nhằm, một mặt, tạo ra cái gọi là “văn hóa thượng lưu” phục vụ giai cấp thống trị, áp bức bóc lột; mặt khác, nhằm nô dịch tinh thần, ý thức của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giam hãm họ trong tình trạng ngu tối và nô lệ.

Trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa không còn là đặc quyền đặc lợi của thiểu số giai cấp bóc lột. Giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc là chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Công cuộc cải biến cách mạng toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội từng buớc tạo ra tiền đề vật chất, tinh thần để đông đảo nhân dân tham gia xây dựng nền văn hóa mới. Chính trong quá trình đó, văn hóa hướng tới nhân dân, dân tộc và mọi thành tựu văn hóa trở thành tài sản của nhân dân.

Văn hóa luôn có sự kế thừa. Trong bất cứ thời kỳ nào của lịch sử, văn hóa đều đồng thời bao gồm việc kế thừa, sử dụng di sản quá khứ và sáng tạo ra những giá trị mới. Sự kế thừa và sáng tạo của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa luôn mang tính giai cấp công nhân với tư tưởng chính trị tiên tiến của thời đại và hướng tới nhân dân, dân tộc. Đông đảo nhân dân và cả dân tộc là chủ thể của văn hóa. Do đó, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa mang tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc, kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

\_Ba là, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa được hình thành, phát triển một cách tự giác, đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua tổ chức đảng cộng sản, có sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa không hình thành và phát triển một cách tự phát. Trái lại, nó phải được hình thành và phát triển một cách tự giác, có sự quản lý của nhà nước và có sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân. Mọi sự coi nhẹ hoặc phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản và vai trò quàn lý của nhà nước đối với đời sống tinh thần của xã hội, đối với nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đều nhất định sẽ làm cho đời sống văn hóa tinh thần của xã hội mất phương hướng chính trị.

**23. Tôn giáo là gì? Những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. Liên hệ ở Việt Nam hiện nay.**

**Trả lời:**

\_ Khái niệm tôn giáo:

- Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hoang đường và hư ảo hiện thực khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo mọi sức mạnh tự phát của tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí.  
  
- Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội xác định. Do đó xét về mặt bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội.  
  
- ở một mức độ nhất định tôn giáo có vai trò tích cực trong văn hoá, đạo đức xã hội như: đoàn kết, hướng thiện, quan tâm đến con người….Tôn giáo là niềm an ủi, chỗ dựa tinh thần của quần chúng lao động.  
  
- Về phương diện thế giới quan, thế giới quan tôn giáo là duy tâm, hoàn toàn đối lập với hệ tư tưởng và thế giới quan Mác – Lênin khoa học và cách mạng.  
  
- Sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội hiện thực và thiên đường mà các tôn giáo thường hướng tới là ở chỗ trong quan niệm tôn giáo thiên đường không phải là hiện thực mà là ở thế giới bên kia. Còn những người cộng sản chủ trương và hướng con người vào xã hội văn minh, hành phúc ngay ở thế giới hiện thực, do mọi người xây dựng và vì mọi người.

\_ Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo là:

Tôn giáo là một hệ tư tưởng mang tính chất duy tâm, do đó về bản chất nó có thế giới quan, nhân sinh quan trái ngược hoàn toàn so với quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin – quan điểm duy vật biện chứng khoa học. Bởi vậy, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội không thể nào không xoá bỏ tôn giáo, như là xoá bỏ một thành luỹ của sự trì trệ, bảo thủ, lỗi thời, lạc hậu, của nguồn gốc cho những sai lầm trong nhận thức và tư duy của con người. Nhưng công cuộc xoá bỏ tôn giáo ấy phải diễn ra như thế nào ?   
  
Trong Chống Đuy-rinh, Ăngghen đã cực lực phê phán thái độ bài tôn giáo cực đoan của Đuy-rinh: “ Trong xã hội tự do, không thể có sự thờ cúng; bởi vì mỗi thành viên của xã hội đều khắc phục được cái quan niệm ấu trĩ nguyên thuỷ cho rằng ở đằng sau thiên nhiên hay bên trên thiên nhiên, có những đấng mà người ta có thể dùng những vật hy sinh hay những lời cầu nguyện để tác động đến”. “Vì thế, hệ thống xã hội xã hội chủ nghĩa, được hiểu một cách đúng đắn, phải ... phế bỏ mọi trang bị của sự mê hoặc tinh thần, và do đó, phế bỏ tất cả những yếu tố cơ bản của sự thờ cúng” (12).   
  
Người cho rằng tôn giáo chỉ thực sự mất đi khi xã hội đã được cải tạo hoàn toàn: việc nắm giữ cũng như việc sử dụng các tư liệu sản xuất đã được lên kế hoạch, giúp xã hội tự giải phóng mình và giải phóng mọi thành viên trong xã hội khỏi tình trạng nô dịch và áp bức bất công; khi không còn mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên nữa, mà cả mưu sự và thành sự đều từ con người mà ra cả... khi đó tôn giáo – sự phản ánh thế giới tự nhiên một cách sai lạc trong bộ não con người, sẽ tự mất đi, bởi nó sẽ chẳng còn gì để phản ánh nữa.  
  
  
Người đã nhận định rất đúng về hậu quả của chính sách đàn áp tôn giáo theo chủ trương của Đuy-rinh: “ giúp cho tôn giáo đạt tới chỗ thực hiện tinh thần tử vì đạo và kéo dài thêm sự tồn tại của nó “ (13).  
  
Bởi vậy, giải quyết vấn đề tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội, cần phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản sau:  
  
**- Một là,** những mặt tiêu cực của tôn giáo phải bị khắc phục và đẩy lùi, dần đến chỗ xoá bỏ hoàn toàn chúng. Đây là một nguyên tắc nhưng cũng là yêu cầu quan trọng nhất cần phải quán triệt trong công tác giải quyết vấn đề tôn giáo của những người cộng sản. Chỉ có thế tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin – tư tưởng khoa học chân chính, chủ đạo trong chủ nghĩa xã hội mới có thể đi sâu vào quần chúng nhân dân, mới tạo được nền tảng cơ sở vững chắc cho công cuộc xây dựng xã hội mới.  
  
**- Hai là,** phải tuyệt đối không được sử dụng các biện pháp bạo lực để xoá bỏ tôn giáo. Vi phạm nguyên tắc này là cố tình đẩy xã hội tới chỗ phân chia, đẩy những người theo đạo vào chỗ buộc phải chống lại chính quyền nhân dân. Vi phạm nguyên tắc này cũng là đi ngược lại nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, vi phạm nghiêm trọng tới quyền thiết yếu nhất của con người: quyền được tự do; và trong đó có quyền được tự do theo hay không theo một tôn giáo. Chính quyền nhân dân nào vi phạm nguyên tắc này thì không còn là chính quyền của nhân dân nữa, tổ chức đảng nào vi phạm nguyên tắc này thì không còn là đảng cộng sản nữa. Bên cạnh đó, cần phải không ngừng phát huy những giá trị tốt đẹp, tích cực của tín ngưỡng tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa; cần phải nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân.  
  
**- Ba là,** cần không ngừng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, trong đó có cả mối liên hệ giữa người theo đạo và những người không theo đạo. Đó là yêu cầu hàng đầu để xây dựng đất nước và xã hội, nhưng cũng là một cách thức quan trọng để những người theo đạo hoà nhập vào với cuộc sống tích cực  
  
của xã hội, để họ dần nhận ra rằng cuộc sống hiện tại là quan trọng nhất, để giúp họ chủ động tham gia vào các hoạt động xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc; chứ không phải luôn trong trạng thái thụ động, tiêu cực vì chỉ quan tâm tới việc sống sao bây giờ cho mai sau đến được với “ nước Thiên Đường “ hay “ cõi Niết bàn “.  
  
**- Bốn là,** không ngừng thực hiện công tác giáo dục tuyên truyền, giúp quần chúng nhân dân hiểu nắm được những lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, từ đó mà nhận ra được rằng những tư tưởng duy tâm là hoàn toàn không có căn cứ. Việc giáo dục chủ nghĩa vô thần khoa học cũng như thế giới quan duy vật không chỉ đẩy lui những sai lầm trong nhận thức của tư duy tôn giáo, mà chủ yếu là góp phần nâng cao trình độ kiến thức cho toàn dân.  
  
**- Năm là,** phải kết hợp nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân theo đạo với nhiệm vụ đấu tranh, phòng chống những thế lực phản động lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, để tuyên truyền chống phá cách mạng. Cuộc đấu tranh này vừa phải khẩn trương, kiên quyết vừa phải thận trọng và có sách lược đúng, nếu không sẽ dễ dàng bị nhìn nhận là chính sách đàn áp tôn giáo.  
  
**- Sáu là,** phải giải quyết vấn đề tôn giáo trên lập trường quan điểm lịch sử, tức là phải nhìn nhận vai trò, tác động của tôn giáo tới đời sống xã hội trong từng thời kỳ lịch sử khác nhau là có thể rất khác nhau. Bởi vậy mối quan hệ với tôn giáo cũng cần phải rất linh hoạt và mềm dẻo: có những thời điểm phải biết sử dụng tôn giáo như một thứ vũ khí lợi hại để chống lại những kẻ thù chung của cả dân tộc, như cuộc đấu tranh của Phật tử chống lại chính sách đàn áp tôn giáo của chính quyền Nguỵ quyền Sài Gòn; nhưng trong thời điểm khác phải đẩy mạnh công cuộc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa vô thần khoa học, đưa tôn giáo tới “ cái chết tự nhiên của nó “ (14).   
  
Nói tóm lại, “ với thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tôn giáo dần dần mất đi ảnh hưởng của nó đối với ý thức xã hội. Góp phần vào đó là việc truyền bá thế giới quan cộng sản khoa học trong đông đảo quần chúng nhân dân. Chỉ trong xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển thì tôn giáo mới có thể hoàn toàn biến mất và bị xoá bỏ khỏi đời sống con người. Nhưng việc tôn giáo mất đi không phải là một quá trình tự động; nó đòi hỏi phải kiên trì hoạt động giáo dục quần chúng, tuyên truyền rộng rãi những hiểu biết khoa học tự nhiên, xã hội và thế giới quan mác-xít “ (15); bên cạnh đó phải vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin một cách phù hợp với thực tiễn cách mạng ở Việt Nam. Đó là con đường đúng đắn nhất và cũng là duy nhất để giải quyết vấn đề tôn giáo trong xã hội chủ nghĩa.

**24. Trình bày khái niệm và nội dung xây dựng nền văn hóa Xã hội chủ nghĩa.**

**Trả lời:**

* Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

Chế độ mới xã hội chủ nghĩa được xác lập với hai tiền đề quan trọng là tiền đề chính trị (sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền) và tiền đề kinh tế (chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu được thiết lập). Từ hai tiền đề chính trị và kinh tế đó, tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát triển trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có sự hình thành, phát triển của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

* Nội dung xây dựng nền văn hóa Xã hội chủ nghĩa.

Việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa bao gồm những nội dung chính sau đây:

\_Một là, cần phải nâng cao trình độ dân trí, hình thành đội ngũ tri thức của xã hội mới.

Theo V.I.Lênin, "Chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân"' . Quần chúng nhân dân càng được chuẩn bị tốt về tinh thần, trí lực, tư tưởng... càng có ảnh hưởng tích cực đến tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó, nâng cao trình độ dân trí, hình thành đội ngũ trí thức mới trở thành nội dung cơ bản của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Trí tuệ khoa học và cách mạng là yếu tố quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn lao động có chất lượng và bồi dưỡng nhân tài,  hình thành và phát triển đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa vừa là nhu cầu cấp bách, vừa là nhu cầu lâu dài của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

\_Hai là, xây dựng con người phát triển toàn diện.

Con người là sản phẩm của lịch sử, nhưng chính hoạt động của con người đã sáng tạo ra lịch sử. Thực tiễn lịch sử đã cho thấy, trong mọi thời đại, sự hình thành và phát triển con người luôn gắn liền với sự hình thành và phát triển của xã hội. Mỗi xã hội với những nấc thang phát triển khác nhau của sự tiến bộ đều cần đến những mẫu người nhất định, có năng lực đáp ứng nhu cầu của sự phát triển. Chính vì vậy, giai cấp cầm quyền của mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau khi đã ý thức được về xã hội mà mình tạo dựng, thì trước tiên giai cấp đó phải quan tâm đến việc xây dựng con người.

Khi giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền, việc xây dựng con người đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trở thành một yêu cầu tất yếu. Do đó, xây dựng con người phát triển toàn diện của xã hội mới là một trong những nội dung cơ bản của văn hóa vô sản, của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Con người xã hội chủ nghĩa được xây dựng là con người phát triển toàn diện. Đó là con người có tinh thần và năng lực xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; là con người lao động mới; là con người có tinh thần yêu nước chân chính vả tinh thần quốc tế trong sáng; là con người có lối sống tình nghĩa, có tính cộng đồng cao.

\_Ba là, xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa.

Lối sống là dấu hiệu biểu thị sự khác biệt giữa những cộng đồng người khác nhau; tổng thể các hình thái hoạt động của con người, phản ánh điểu kiện vật chất, tinh thần và xã hội của con người; là sản phẩm tất yếu của một hình thái kinh tế - xã hội và có tác động đến hình thái kinh tế - xã hội đó. Lối sống xã hội chủ nghĩa là một đặc trưng có tính nguyên tắc của xã hội xã hội chủ nghĩa và việc xây dựng lối sống tất yếu trở thành một nội dung của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Lối sống xã hội chủ nghĩa được xây dựng, hình thành trên những điều kiện cơ bản của nó. Đó là: chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, trong đó sở hữu toàn dân giữ vai trò chủ đạo; nguyên tắc phân phối theo lao động; quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; hệ tư tưởng khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội; xóa bỏ tình trạng bất bình đẳng dân tộc, giới tính, thể hiện công bằng, mở rộng dân chủ...

\_Bốn là, xây dựng gia đình văn hóa.

Gia đình là một hình thức cộng đồng đặc biệt, ở đó con người gắn bó với nhau bởi hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. Khi nghiên cứu về các phương thức tồn tại của con người. C.Mác đã viết: "... hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con ngưỡi bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình" .

Quan hệ tình cảm tâm lý (hôn nhân) và quan hệ huyết thống (cha, mẹ và con cái...) là hai mối quan hệ cơ bản của cộng đồng gia đình. Tuy nhiên, gia đinh còn có những quan hệ khác khiến nó tồn tại không chỉ là tổ chức cộng đồng tình cảm - huyết thống mà còn là cộng đồng kinh tế, văn hóa - giáo dục, có một cơ cấu - thiết chế và cách thức vận động riêng.

Gia đình là một giá trị văn hóa của xã hội. Văn hóa gia đình luôn gắn bó, tương tác với văn hóa cộng đồng dân tộc, giai cấp và tầng lớp xã hội trong mỗi thời kỳ lịch sử nhất định của mỗi quốc gia dân tộc nhất định.

Thực tế lịch sử cho thấy: những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau là nhân tố quy định nên các hình thức tổ chức gia đình khác nhau. Xã hội loài người đã trải qua các hình thức cộng đồng gia đình: gia đình huyết tộc, gia đình đối ngẫu, giai đình một vợ một chồng.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là tiền đề quan trọng để xây dựng gia đình văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Muốn xây dựng gia đình văn hóa, điều trước tiên là phải xây dựng được cơ sở kinh tế - xã hội của nó.

Gia đình văn hóa từng bước được xây dựng cùng với tiến trình phát triển của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa có tác động trực tiếp và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa có nhiệm vụ quyết định nhất đến việc xây dựng gia đình văn hóa.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ quá độ, các yếu tố mới và cũ còn tồn tại đan xem vào nhau. Xã hội với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và cơ cấu giai cấp không thuần nhất, nên gia đình chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau từ tâm lý, tình cảm, tư tưởng của các giai cấp tầng khác nhau trong xã hội. Do đó, gia đình cũng có vai trò không giống nhau đối với sự phát triển của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, xây dựng gia đình văn hóa là một yêu cầu tất yếu của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực chất của việc xây dựng gia đình văn hóa là nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Quan điểm này xuất phát từ mối quan hệ giữa gia đình và xã hội. Gia đình là "tế bào" của xã hội, mỗi gia đình hòa thuận, hạnh phúc, ổn định sẽ góp phần cho sự phát triển ổn định, lành mạnh của xã hội; và ngược lại, xã hội phát triển ổn định, lành mạnh sẽ tạo điều kiện cho gia đình ấm no, hạnh phúc. Hơn nữa, xét về mối quan hệ lợi ích thì trong chủ nghĩa xã hội, lợi ích của gia đình và lợi ích của xã hội có sự phù hợp về cơ bản.

Gia đình văn hóa là gia đình được xây dựng, tồn tại và phát triển trên cơ sở giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ những yếu tố lạc hậu, những tàn tích của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến, tư bản chủ nghĩa, đồng thời tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại về gia đình.

Gia đình văn hóa là gia đình tiến bộ, đánh dấu bước phát triển của các hình thức gia đình trong lịch sử nhân loại. Xây dựng gia đình văn hóa đem lại lợi ích cho cả cá nhân và xã hội. Con người của xã hội mới khi tạo dựng hạnh phúc gia đình cùng là góp phần cho sự phát triển của xã hội. Với ý nghĩa đó, việc xây dựng gia đình văn hóa trở thành một nội dung quan trọng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, thể hiện tính ưu việt của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa so với các nền văn hóa trước nó.

Có nhiều nội dung quan trọng cần phải thực hiện trong quá trình xây dựng gia đình văn hóa. Tuy nhiên, với tính chất cơ bản của gia đình trong chủ nghĩa xã hội, thì việc xây dựng mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và giữa gia đình với xã hội là nội dung quan trọng nhất. Mối quan hệ trong gia đình là một bộ phận của quan hệ xã hội, đồng thời là biểu hiện của quan hệ xã hội. Phải tạo dựng mối quan hệ vợ chồng bình đẳng, thương yêu, giúp đỡ nhau về mọi mặt. Bình đẳng, thương yêu, tôn trọng nhau là những yếu tố gắn bó mật thiết với nhau trong quan hệ vợ chồng. Mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em trong gia đình là mối quan hệ huyết thống, tình cảm của tình thương yêu và trách nhiệm.